

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHOA HỌC DỮ LIỆU

Mã số: 7480205

Tên cơ sở đào tạo: ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2020

MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình mở ngành đào tạo	2
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	5
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	6
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Âm nhạc, Mỹ thuật, Quản lý đô thị, Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	8
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	9
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	21
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	37
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	59
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	126
6	Minh chứng về nhu cầu xã hội (Phiếu khảo sát) <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực - Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động 	129
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo - Kết luận của Hội đồng thẩm định 	133

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **TRÍ TUỆ NHÂN TẠO và KHOA HỌC DỮ LIỆU**

Mã số: 7480205

Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Cách mạng công nghệ 4.0 (CMCN4.0) bắt đầu vào đầu thế kỷ XXI, được hình thành trên cơ sở là cuộc cách mạng số, như trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật IoT (the Internet of things), điện toán đám mây (Cloud Computing), hệ thống không gian thực-ảo (Cyber-Physical Systems). Thực tế đã chứng tỏ rằng CMCN4.0 thúc đẩy sự phát triển ở các lĩnh vực như sản xuất thông minh, thành phố thông minh. CMCN4.0 có thể giúp giải quyết các vấn đề phức tạp trong các nhiều lĩnh vực và ngành công nghiệp khác nhau, bao gồm tài chính, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, du lịch, giải trí ...

Đông Nam bộ (ĐNB) thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong thời gian gần đây, ĐNB luôn có đóng góp lớn cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Cụ thể là năm 2018, ĐNB đóng góp 45,4% GDP và 42,6% tổng thu ngân sách cả nước. Thành tựu trên có phần đóng góp của ngành khoa học và công nghệ của vùng Đông Nam bộ. Kết quả này có được là nhờ các nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện thể chế, chính sách đối với khoa học và công nghệ. Nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ.

Các nhiệm vụ khoa học – công nghệ (KH-CN) vùng Đông Nam bộ trong những năm gần đây được thực hiện theo hình thức đặt hàng, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và có khả năng chuyển giao, ứng dụng trong thực tế. Cụ thể, trong giai đoạn 2017-2019, có 682 nhiệm vụ KH-CN được triển khai trên tất cả lĩnh vực: Khoa học tự nhiên (28%), khoa học kỹ thuật và công nghệ (28%), khoa học nông nghiệp (26,5%), khoa học y dược (5,9%), khoa học xã hội (6,5%) và khoa học nhân văn (5,1%). Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của các tỉnh, thành phố đã chuyển dịch theo cơ cấu kinh tế của vùng và từng địa phương. Các nhiệm vụ nghiên cứu triển khai từ tập trung vào lĩnh vực khoa học nông nghiệp với 28,5% giai đoạn 2011 – 2015 giảm còn 19% giai đoạn 2015 – 2017, khoa học kỹ thuật và công nghệ tăng từ 24,1% lên 32,3%.¹

¹ <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khoa-hoc/75-cac-nghien-cuu-cua-vung-dong-nam-bo-duoc-ung-dung-sau-nghiem-thu-407500.html>

Hiện tại, Bình Dương (một tỉnh thuộc khu vực ĐNB) có 28 khu công nghiệp đang hoạt động, đã thu hút trên 8.500 dự án đầu tư, trong đó có trên 2.000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn 11 triệu USD. do vậy việc triển khai CMCN4.0 có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển bền vững của xã hội và bảo vệ môi trường.

Dưới góc độ đào tạo nguồn nhân lực cho CMCN4.0, Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu (TTNT&KHDL) là những chuyên môn không thể thiếu để triển khai CMCN4.0 vào thực tế. Do vậy việc mở Ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu (TTNT&KHDL) tại Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển để thích ứng với những thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời cũng tận dụng được những những cơ hội để gia tăng tốc độ phát triển.

Ngoài những thuận lợi mang tính khách quan kể trên, ngành TTNT&KHDL cũng nhận được sự ủng hộ từ chính quyền tỉnh Bình Dương nhằm nhanh chóng đưa Khoa học, công nghệ vào ứng dụng. Cụ thể là ngày 26/11/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã phê duyệt đề án Thành phố thông minh với tên gọi đầy đủ là “Bình Dương Navigator 2021”. Đề án phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương, triển khai mô hình hợp tác Ba nhà hướng tới đô thị thông minh.

Ở mức quốc gia, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính Trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia CMCN4.0

Đảng và Chính phủ đã sớm đánh giá được tầm quan trọng của việc ứng dụng TTNT&KHDL và đã có những hoạch định vĩ mô cũng như nguồn nhân lực cho ngành này trong SÁCH TRẮNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN và TRUYỀN THÔNG 2019.

Xuất phát từ những lý do trên, trường Đại học Thủ Dầu Một mở ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu là phù hợp với quy hoạch nhân lực ngành tự động hóa của vùng Đông Nam Bộ và của Quốc gia theo như “Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020” đã được Thủ chính Chính phủ ký Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Chương trình đào tạo ngành TTNT&KHDL của trường Đại học Thủ Dầu Một được biên soạn có sự tham khảo với các chương trình của các Đại học tiên tiến trên thế giới và trong nước. Đồng thời có điều chỉnh để phù hợp với thực tế hiện tại của khu vực Đông Nam Bộ.

Chương trình đào tạo bao gồm 150 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ,

Trong đó khối kiến thức đại cương gồm 23 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 69 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 38 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 20 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 20 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến

nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 sinh viên ngành TTNT&KHDL mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành TTNT&KHDL trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

Khoa Kỹ Thuật – Công Nghệ có hai ngành đạt tiêu chuẩn kiểm định của tổ chức AUN (Mạng lưới các đại học Đông Nam Á)

Trường Đại học Thủ Dầu Một được xếp hạng thứ 27 về công bố bài báo khoa học trong số các trường Đại học Việt Nam.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và cải tiến phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất như trang thiết bị thí nghiệm – thực hành, thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo TTNT&KHDL đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đúng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực TTNT&KHDL. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo TTNT&KHDL trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành TTNT&KHDL phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

Bình Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHOA HỌC DỮ LIỆU
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu trình độ đại học của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Căn cứ quyết định 588/QĐ-ĐHTDM thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo.

Lãnh đạo Khoa Kỹ thuật – Công nghệ đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và Nhóm chủ trì soạn thảo thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Khoa tiến hành xây dựng đề án theo các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT (sau đây gọi tắt là TT22). Cụ thể:

1. Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành lân cận.
2. Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đồng thời so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.
3. Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.
4. Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu trình độ đại học theo TT22.

Kính trình Lãnh đạo Trường hoàn tất hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đăng ký mở ngành đào tạo.

TRƯỞNG KHOA
(đã ký)

NHÓM TRƯỞNG
(đã ký)

PGS.TS Lê Tuấn Anh

TS HOÀNG MẠNH HÀ

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2019

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học
Ngành đào tạo: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu
Mã ngành: 7480205 (dự kiến)

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày 25 tháng 10 năm 2019
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp - Chủ tịch Hội đồng Trường
- PGS.TS. Hoàng Trọng Quyền, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- TS. Ngô Hồng Điệp, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- TS. Nguyễn Thị Nhật Hằng, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Tuấn Anh, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- ThS. Lê Thị Kim Út, Trưởng phòng Đào tạo Đại học - Thư ký
- Và các thành viên Hội đồng Khoa học theo Quyết định số 1324/QĐ - ĐHTDM ngày 30/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.

2) Thông qua nội dung và ý kiến

Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22). Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được trình bày rõ ràng, xác định được các tiêu chí và điều kiện tại quy định của TT22. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành. Đồng thời được đối sánh với chương trình đào tạo của các Đại học tiên tiến ở châu Âu và Hoa Kỳ.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng quy định về mẫu. Nội dung và kết cấu chương trình đáp cho phép đáp ứng yêu cầu đào tạo. Trình độ đào tạo được xác định phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương. Đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập, đúng quy định của TT22.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo phù hợp với người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại TT22.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của TT22.

Góp ý khác:

- Bổ sung một số môn học mang tính hiện đại, theo hướng tích hợp.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Đã ký

PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp

THƯ KÝ

Đã ký

ThS. Lê Thị Kim Út

Số: 14 /QĐ-HĐTr

Bình Dương, ngày 18 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành
Âm nhạc, Mỹ thuật, Quản lý đô thị, Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở 04 ngành đào tạo trình độ đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, bao gồm các ngành: Âm nhạc, mã số 7140221D, thuộc nhóm ngành II; Mỹ thuật, mã số 7140222D, thuộc nhóm ngành II; Quản lý đô thị, mã số 7580105D, thuộc nhóm ngành V; Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu, mã số 7480201D, thuộc nhóm ngành V.

Điều 2. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá học tập và cấp bằng tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trường phòng Đào tạo đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Phòng ĐTDH.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO²

(Ban hành theo Quyết định số 588/QĐ-ĐHTDM ngày 5 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên chương trình:	Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu (Artificial Intelligence and Data Science)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kỹ sư Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu (Engineer of Artificial Intelligence and Data Science)
Mã ngành:	7480205 (DỰ KIẾN)
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Khóa:	2020 – 2024

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chương trình

- PO1: Nhận diện, phân tích, thiết kế và phát triển các giải pháp Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu để giải quyết các vấn đề đương đại một cách chuyên nghiệp và sáng tạo; phục vụ hiệu quả sự phát triển kinh tế xã hội và khoa học kỹ thuật

- PO2: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và tham gia các nhóm, các dự án quốc gia và quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- PO3: Tự đào tạo để đáp ứng các xu hướng công nghệ hiện đại, luôn đổi mới và sáng tạo trong đóng góp cho sự phát triển của ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu và những lĩnh vực liên quan khác; thực hiện trách nhiệm xã hội và tối đa hóa lợi ích cho cộng đồng.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:

Nội dung	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	ELO1: Áp dụng kiến thức toán, khoa học, xã hội, cơ sở ngành, chuyên ngành của trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.
	ELO2: Phân tích vấn đề thực tiễn làm cơ sở chuyên đổi thành các dạng bài toán có thể giải quyết được bằng Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.

² Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Kiến thức chuyên môn	ELO3: Thiết kế hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu phù hợp với yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp.
Kỹ năng chung	ELO4: Làm việc nhóm trong vai trò là thành viên hay người lãnh đạo một cách hiệu quả để đạt được mục tiêu chung.
	ELO5: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện với các đối tượng khác nhau.
	ELO6: Vận dụng tư duy phản biện, tư duy kỹ thuật, tư duy hệ thống và kỹ năng giải quyết trong khi thực hiện công việc.
Kỹ năng chuyên môn	ELO7: Xây dựng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu để đáp ứng yêu cầu đặt ra của tổ chức, doanh nghiệp trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
	ELO8: Sử dụng thành thạo những kỹ thuật hiện đại và các công cụ cần thiết để triển khai và vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu.
Thái độ và phẩm chất đạo đức	ELO9: Tôn trọng Luật pháp, thể hiện trách nhiệm xã hội và thực hiện đạo đức nghề nghiệp của người kỹ sư Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu
	ELO10: Thể hiện động cơ học tập suốt đời để phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.3. Cơ hội việc làm:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc ở các công ty, nhà máy, tập đoàn, doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ sản xuất công nghiệp thông minh, thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, tới nông nghiệp, y tế... Cụ thể hơn, sinh viên có thể làm việc trực tiếp như một kỹ sư hoặc chuyên viên đảm nhận các công việc như hỗ trợ ra quyết định, phát triển chiến lược kinh doanh các công ty sản xuất lớn; phân tích dự báo, quản lý rủi ro tại các ngân hàng, công ty tài chính; phát hiện và chuẩn đoán bệnh tại các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe, các công ty nông nghiệp; phát triển các phần mềm chatbots, hệ thống trợ lý ảo tại các công ty quảng cáo; phát triển hệ thống xe tự lái, các game trí tuệ nhân tạo... với mức lương hấp dẫn.

Sinh viên cũng có nhiều cơ hội học bổng để tiếp tục theo học tại các trường đại học lớn của Nhật, Pháp, Bỉ, Mỹ.

1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học: Theo qui định về chuẩn đầu ra của Trường

1.5. Bằng cấp: Kỹ sư

2. Thời gian đào tạo: 4.5 năm tương đương 9 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 148 tín chỉ (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ, kỹ năng bổ trợ)

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường Đại học Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

6. Thang điểm: Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

7. Nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành			
				128			
				Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập doanh nghiệp	Báo cáo tốt nghiệp
Đại học	9 học kỳ	150	22	62	39	17	10

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 25 TC (Bắt buộc: 22 TC; Tự chọn: 0 TC)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Triết học Mác Lênin	3	3	0	X				II
2		Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	0	X				III
3		Chủ nghĩa khoa học xã hội	2	2	0	X				III
4		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	X				III
5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	X				II
6		Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ	2	2	0	X				IV
7		Tư duy biện luận – sáng tạo	2	2	0	X				II
8		Nghiên cứu khoa học	3	3	0	X				II
9		Toán cao cấp A1	2	2	0	X				I
10		Toán cao cấp A2	2	2	0	X				II
11		Xác suất thống kê (A)	3	3	0	X				III
Tổng			25	22	0					

7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 57 TC (Bắt buộc: 51 TC; Tự chọn: 6 TC)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (tự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
Các môn toán cho tin học										
		Toán rời rạc	3	3	0	X				II
		Lý thuyết đồ thị	3	3	0	X				III
		Tối ưu hóa	3	3	0	X				IV
Lập trình										
		Cơ sở lập trình	3	2	1	X				II
		Kỹ thuật lập trình	3	2	1	X				I
		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	X				III
		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	3	2	1	X				II
		Lập trình cho Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	3	1	1		X			V
		Mạng máy tính và nguyên lý hệ điều hành	3	2	1	X				III
Cơ sở dữ liệu										
		Cơ sở dữ liệu	3	3	1	X				III
		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	X				IV
Cơ sở chuyên ngành										
		Phân tích thống kê	3							
		Học máy 1	3							
		Khai phá dữ liệu	3							
		Trí tuệ nhân tạo	3							
		Học máy 2 (Học sâu)	3							
		Tính toán song song và phân tán	3							
Tổng			51	34	17					
Sinh viên tự chọn 2 học phần / 6 tín chỉ (kiến thức cơ sở ngành) trong số các học phần sau:										
		Pháp luật đại cương	2	2	0		X			IV

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
		Tương tác Người – Máy	3	2	1		X			IV
		Tin – Sinh học	3	2	1		X			IV
		Nhập môn Robotics	3	2	1		X			IV
		Xử lý ảnh	3	2	1		X			IV
		An toàn và bảo mật thông tin	3	2	1		X			IV
		Lập trình web	3	2	1		X			V
		IoT	3	2	1					V
		Điện toán đám mây	3	2	1					V
		Quản lý dự án CNTT	3	2	1					V
		Tìm kiếm và truy xuất thông tin	3	2	1		X			IV
		Khai phá dữ liệu văn bản và dữ liệu web	3	2	1		X			V
		Lập trình web	3	2	1					V

7.3 Kiến thức chuyên ngành: 39 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 18 TC)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
		Biểu diễn và giải quyết vấn đề trong trí tuệ nhân tạo	3	2	1		X			VII
		Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	2	1		X			VII
		Thị giác máy tính	3	2	1		X			VII
		Xử lý tiếng nói	3	2	1		X			VIII
		Học tăng cường	3	2	1		X			VII
		Phân tích dữ liệu	3	2	1	X				IV
		Dữ liệu lớn	3	2	1	X				IV

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
					Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
Tổng			21	14	7						
Sinh viên tự chọn 6 học phần/ 18 tín chỉ trong số các học phần sau:											
A. Trí tuệ nhân tạo											
		Tương tác Người – Trí tuệ nhân tạo	3	2	1		X				IV
		Mạng neural và ứng dụng	3	2	1		X				IV
		Nhận dạng	3	2	1		X				IV
		Chuyên đề ứng dụng mạng RNN cho nhận dạng hành vi	3	2	1		X				IV
		Chatbot	3	2	1		X				IV
		Dịch tự động	3	2	1		X				V
		Hỗ trợ chẩn đoán qua hình ảnh y tế	3	2	1		X				VIII
B. Khoa học dữ liệu											
		Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	2	1		X				VI
		Chuyên đề Dữ liệu lớn	3	2	1		X				VII
		Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và ứng dụng	3	2	1		X				VII
		Phân tích dữ liệu từ mạng lưới sensor	3	2	1		X				VIII
		Phân tích thông tin địa lý	3	2	1		X				VIII
		Deep Learning trong phân tích dữ liệu	3	2	1	X					VII
		Thu thập và tiền xử lý dữ liệu	3	2	1	X					IV
		Phân tích dữ liệu doanh nghiệp	3	2	1		X				VII
		Trực quan hóa dữ liệu	3	2	1	X					IV
		Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và ứng dụng	3	2	1	X					IV
		Phân tích tài chính	3	2	1						V

7.4: Báo cáo tốt nghiệp: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 0 TC)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
		Báo cáo tốt nghiệp	10	0	10	X				IX

7.5: Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp: 17 TC (Bắt buộc: 18TC)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Thực tập doanh nghiệp 1	2	0	2	X				III
2		Đồ án cơ sở ngành	1	0	1	X				IV
3		Thực tập doanh nghiệp 2	3	0	3	X				V
4		Thực tập doanh nghiệp 3	4	0	4	X				VII
5		Đồ án chuyên ngành	2	0	2	X				VII
6		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	X				IX
Tổng			17	0	17					

8. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Cơ sở lập trình	3	2	1		BB
		Kỹ thuật lập trình	3	2	1		BB
		Toán cao cấp A1	2	2	0		BB
		Những vấn đề kinh tế xã hội	2	2	0		BB

		Đông Nam Bộ				
		Tư duy biện luận và sáng tạo	2	2	0	BB
		Nghiên cứu khoa học	3	3	0	BB
Tổng số tín chỉ học phần			15	13	2	

Học kỳ 2

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Triết học Mác – Lê Nin	3	3	0		BB
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		BB
		Toán cao cấp A2	2	2	0		BB
		Toán rời rạc	3	3	0		BB
		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	2	2	0		BB
		Thực hành Phương pháp lập trình hướng đối tượng	1	0	1		BB
		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1		BB
		Thực tập doanh nghiệp 1	2		2		BB
Tổng số tín chỉ học phần			18	4	4		

Học kỳ 3

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	0		BB
		Chủ nghĩa khoa học xã hội	2	2	0		BB
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0		BB
		Cơ sở dữ liệu	3	2	1		BB
		Hệ quản trị cơ sở	3	2	1		BB

		dữ liệu				
		Phân tích thống kê	3	2	1	BB
		Lý thuyết đồ thị	3	3	0	BB
Tổng số tín chỉ học phần			18	15	3	

Học kỳ 4

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Tối ưu hóa	3	3	0		BB
		Khai phá dữ liệu	3	2	1		BB
		Trí tuệ nhân tạo	3	2	1		BB
		Mạng Nơ ron và ứng dụng	3	2	1		BB
		Học máy 1	3	2	1		BB
		Đồ án cơ sở ngành	1	0	1		BB
		Tự chọn cơ sở ngành 1	3	2	1		TC
Tổng số tín chỉ học phần			19	13	6		

Học kỳ 5

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Mạng máy tính và hệ điều hành	3	2	1		BB
		Tối ưu hóa	3	2	1		BB
		Học máy 2	3	2	1		BB
		Lập trình cho trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	3	2	1		BB
		Thực tập doanh nghiệp 2	3	0	3		BB
		Tự chọn cơ sở ngành 2	2	1	1		TC
Tổng số tín chỉ học phần			17	9	8		

Học kỳ 6

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Biểu diễn và giải quyết vấn đề trong trí tuệ nhân tạo	3	2	1		BB
		Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	2	1		BB
		Thực tập doanh nghiệp 3	3		3		
		Thị giác máy tính	3	2	1		BB
		Tự chọn chuyên ngành 1	6	4	2		TC
Tổng số tín chỉ học phần			18	12	6		

Học kỳ 7

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Xử lý tiếng nói	3	2	1		BB
		Phân tích dữ liệu	3	2	1		BB
		Thực tập doanh nghiệp 3	4	0	4		BB
		Dữ liệu lớn	3	2	1		BB
		Tự chọn chuyên ngành 2	6	4	2		TC
Tổng số tín chỉ học phần			19	10	9		

Học kỳ 8

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Học tăng cường	3	2	1		BB
		Đồ án chuyên ngành	2	0	2		BB
		Tự chọn chuyên ngành 3	6	4	2		BB
Tổng số tín chỉ học phần			11	6	5		

Học kỳ 9:

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5		BB
		Báo cáo tốt nghiệp	10	0	10		BB
Tổng số tín chỉ học phần			15	0	15		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với khoa

Tổ chức truyền thông CTĐT, các đặc điểm kỹ thuật của chương trình trên các kênh truyền thông của nhà trường đến tất cả các đối tượng liên quan.

Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để giảng viên xây dựng kịch bản giảng dạy.

Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, bài tập rèn luyện, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

Thu nhận ý kiến của các đối tượng liên quan để cải tiến cập nhật, bổ sung CTĐT.

9.2. Đối với các đơn vị đào tạo

Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình đào tạo.

Xây dựng kế hoạch giảng dạy - học tập toàn niên, thời khóa biểu, lịch thi... và tổ chức truyền thông đến các bộ phận liên quan.

Tổ chức cho SV đăng ký, giải quyết các vấn đề liên quan đến đăng ký và học tập của SV.

Tổ chức thu nhận ý kiến đóng góp của sinh viên về việc triển khai thực hiện chương trình.

9.3 Đối với giảng viên

Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án. Giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.4. Kiểm tra, đánh giá:

Tổ chức thi, ngân hàng đề thi, được thực hiện theo đúng quy định đánh giá hiện hành của nhà trường.

9.5. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Bình Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS Ngô Hồng Điệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ³
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số 588 ngày 05 tháng 03 năm 2020)
- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
Ngành đăng ký đào tạo: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu						
1	Nguyễn Xuân Dũng Năm sinh: 1949 Giảng viên	Tiến sĩ, Tiệp Khắc, năm: 1989	Tin học – Điều khiển học	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
2	Hoàng Mạnh Hà Năm sinh: 1971 Giảng viên, Phó GD Chương trình Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	Tiến sĩ, Việt Nam, năm 2012	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
3	Trần Bá Minh Sơn Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa Học Máy Tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
4	Dương Kim Chi Năm sinh: 1978 Giảng viên	Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, năm: 2009	Tin học	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	

³ Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

5	Cao Thanh Xuân Năm sinh: 1977 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
6	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
7	Trần Cẩm Tú Năm sinh: 1985 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
8	Huỳnh Nguyễn Thành Luân Năm sinh: 1987 Giảng viên	Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, Năm 2012	Truyền dữ liệu	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
9	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2018	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
10	Nguyễn Tấn Lộc Năm sinh 1984	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2013	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	

1.2 Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1. Ngành đăng ký đào tạo: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu						
1	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2016	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
2	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
3	Võ Thị Diễm Hương Năm sinh: 1985	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2017	Hệ thống Thông tin	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	
4	Trần Cẩm Tú Năm sinh:	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	

	1985 Giảng viên			học		
5	Trần Bá Minh Sơn	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa Học Máy Tính	Theo lý lịch khoa học	Đúng với hồ sơ	

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)		
1	Giảng đường 84 chỗ ngồi	15	50	Máy chiếu + màn chiếu	1	Các học phần		Đúng với hồ sơ	
2	Giảng đường 64 chỗ ngồi	9	60	Máy chiếu + màn chiếu	1			Đúng với hồ sơ	
3	Giảng đường 100 chỗ ngồi	10	120	Máy chiếu + màn chiếu	1			Đúng với hồ sơ	
4	Hội trường 1 (450 chỗ ngồi)	1	400	Màn hình 300 inch	1			Đúng với hồ sơ	
5	Hội trường 2 (300 chỗ ngồi)	1	300	Màn hình 300 inch	1			Đúng với hồ sơ	
6	Phòng máy tính	9	50	Máy server	3			Đúng với hồ	

				phục vụ nghiên cứu				sơ	
7	Giảng đường 24 chỗ	20	30	Tivi 65 inch	1			Đúng với hồ sơ	
8	Giảng đường 60 chỗ	15	40	Tivi 65 inch	1			Đúng với hồ sơ	

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1	Thiết bị mạng và truyền thông	50	Máy tính	51	Các học phần liên quan đến mạng máy tính	Đúng với hồ sơ	
2	Phát triển Game & thực tế ảo, thực tế tăng cường	50	Máy tính	51	Các học học liên quan đến Game, di động.	Đúng với hồ sơ	
3	Phân tích Dữ liệu lớn, ứng dụng AI	50	Máy tính	51	Các học phần liên quan đến phân tích và xử lý dữ liệu	Đúng với hồ sơ	
4	Phát triển & Kiểm thử phần mềm	50	Máy tính	51	Các học phần liên quan đến xây dựng và phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm	Đúng với hồ sơ	
5	Phát triển & Kiểm thử phần mềm	50	Máy tính	51	Các học phần liên quan đến xây dựng và phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm	Đúng với hồ sơ	
6	Thực hành máy tính cơ bản	40	Máy tính	41	Các học phần cơ sở ngành.	Đúng với hồ sơ	
7	<i>Phòng thí nghiệm:</i> Smart city Innovation Lab	80	Máy tính, Máy chủ, hệ thống IoTs		Các học phần thực hành về IoTs, đồ án.	Đúng với hồ sơ	

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m²; Diện tích phòng đọc: 1.410 m²
- Số chỗ ngồi: 468; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn
- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần	Đúng/ Không đúng so với hồ sơ
1	Toán rời rạc	Nguyễn Hữu Anh	LĐXH	2006	15	Toán rời rạc và LT Đồ thị	Đúng với hồ sơ
2	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa – Nguyễn Tô Thành,	NXB Giáo dục	1997	10	Toán rời rạc và LT Đồ thị	Đúng với hồ sơ
3	Giáo trình Giáo trình Tương tác Người Máy.	Lương Mạnh Bá.	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2010	12	Tương tác người – máy	Đúng với hồ sơ
4	Logic học và phương pháp nghiên cứu khoa học.	Lê Tử Thành.	Nxb. Trẻ, Tp.HCM.	2005	20	Tư duy biện luận sáng tạo	Đúng với hồ sơ
5	Giáo trình Nhập Môn Trí Tuệ Nhân Tạo.	Hoàng Kiếm	Đại học Quốc Gia Tp.HCM – Đại học CNTT,	2010	20	Trí tuệ nhân tạo	Đúng với hồ sơ
6	Convex Optimization	Stephen Boyd	Cambridge University Press	2004	30	Tối ưu hóa	Đúng với hồ sơ
7	Lý thuyết tối ưu và đô thị	Doãn Tam Hòe	Nhà xuất bản Giáo dục.	2005.	2	Tối ưu hóa	Đúng với hồ sơ
8	Python code for Artificial Intelligence: Foundations of Computational Agents	David L. Poole	AIPython	2020	10	Lập trình cho AI và DS	Đúng với hồ sơ

9	Hệ quản trị CSDL Oracle	Nguyễn Thị Trà Linh	NXB Đại học quốc gia TP HCM	2013	11	Hệ quản trị csdl oracle	Đúng với hồ sơ
10	Bài giảng Chuyên đề quản trị dự án Công nghệ thông tin	TS. Trương Mỹ Dung	NXB ĐH Quốc gia Hồ Chí Minh.	2005	8	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
11	C++ & Lập trình hướng đối tượng	GS. Phạm Văn Ất	NXB Khoa học và Kỹ thuật.		10	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
12	A Framework for Programming and Problem Solving	Kenneth A. Lambert, Martin Osborne,	Prentice Hall	2003	10	- Đồ án xuyên ngành - Thực tập cán bộ kỹ thuật - Thực tập tốt nghiệp	Đúng với hồ sơ
13	Mathematical Statistics and Data Analysis,	John A. Rice	Thomson Brooks/ Cole	2007	3	Phân tích thống kê Giới thiệu ngôn ngữ R và thống kê mô tả Phân tích dữ liệu với R	Đúng với hồ sơ
14	Machine learning,	T.M. Mitchell	McGraw-Hill, USA.	1997	15	Học máy	Đúng với hồ sơ
15	Data Mining Concepts and Techniques	Jiawei Han	Elsevier	2012	12	Khai phá dữ liệu	Đúng với hồ sơ
16	Hệ Thống thông tin kế toán	Nguyễn Thế Hưng		2012	10	Phát triển hệ thống thông tin	Đúng với hồ sơ

						tin kế toán	
17	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2011	20	Tư tưởng hồ chí minh	Đúng với hồ sơ
18	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia.	2012	13	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đúng với hồ sơ
19	Toán cao cấp	Nguyễn Văn Khuê, Phạm Ngọc Thao	NXB ĐHQG	1996.	35	Toán cao cấp a1, a2	Đúng với hồ sơ
20	Life (level A1-A2)	Hughes, J.; Stephenson, H. & Dummett, P.	Cengage	2014	10	Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3, Anh văn 4	Đúng với hồ sơ
21	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009, 2010, 2011, 2012 và 2013.	30	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đúng với hồ sơ
22	Entrepreneurship –Successfully Launching New Ventures, 4 th edition	Bruce R. Barringer and R. Duane Ireland	Pearson Education.	2012	5	Khởi sự kinh doanh 1, 2	Đúng với hồ sơ
23	Nguyên lý Kế toán	PGS. TS Võ Văn Nhị	NXB Thống kê	2005	40	Nguyên lý kế	Đúng với hồ

						toán	sơ
24	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận	NXB Thống Kê	2008	40	Xác suất thống kê	Đúng với hồ sơ
25	Giáo trình Mật mã học và Hệ thống Thông tin an toàn	Thái Thanh Tùng	Thông tin và Truyền thông	2011	10	An toàn và bảo mật thông tin	Đúng với hồ sơ
26	Studies in Big Data	Bhuyan, Prachet_ Chenthati, Deepak_ Mohanty, Hrushiksha	Springer	2015	10	Giới thiệu về khoa học dữ liệu và dữ liệu lớn	Đúng với hồ sơ
27	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Đinh Mạnh Tường	Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật.	2001	13	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
28	Cơ sở dữ liệu	Đông Thị Bích Thủy, Nguyễn Trần Minh Thư, Phạm Thị Bạch Huệ	Khoa Học Kỹ Thuật.	2010	18	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
29	Nhập môn lập trình	Trần Đan Thu	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2011	14	Cơ sở lập trình	Đúng với hồ sơ
30	Neural Networks and Deep Learning	Charu C. Aggarwal	Springer	2018	5	Học máy-deep learning	Đúng với hồ sơ
31	Giáo trình thiết kế cơ sở dữ liệu	Trịnh Minh Tuấn	Nhà xuất bản Đại học quốc gia.	2010	10	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
32	Giáo trình điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thăng	Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa Hà Nội.	2014	6	Điện toán đám mây	Đúng với hồ sơ
33	Scalable Parallel Computing: Technology, Architecture, Programming	Kai Hwang &	McGRAW-HILL	1997	10	Tính toán song song	Đúng với hồ sơ

34	Hệ Điều Hành Unix – Linux	Hà Quang Thụy, Nguyễn Trí Thành	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2009	5	Hệ Điều Hành Unix – Linux	Đúng với hồ sơ
35	Enterprise Resource Planning.	Mary Sumner	Pearson Education Limited.	2014	5	Đổi mới, Sáng tạo và Khởi nghiệp	Đúng với hồ sơ
36	Artifitial Intelligent in Praticce	Matt Ward	Wiley	2009	7	Biểu diễn và giải quyết vấn đề trong trí tuệ nhân tạo	Đúng với hồ sơ
37	Hệ thống thông tin địa lý GIS	Phạm Hữu Đức	NXB Xây dựng	2006	10	Hệ thống thông tin địa lý	Đúng với hồ sơ
38	Designing the Internet of Things	Adrian McEwen, Hakim Cassimally	Wiley	2014	12	internet of things	Đúng với hồ sơ
39	Giáo trình khai thác dữ liệu	Đỗ Phúc	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.	2008	12	Khai phá dữ liệu	Đúng với hồ sơ
40	Lập trình cơ bản	Lê Xuân Việt, Dương Hoàng Huyền, Đinh Thị Hồng Huyền, Đoàn Đức Tùng	NXB Xây dựng.	2016	13	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
41	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Phan Thị Tươi,	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2012	15	Khai thác văn bản và xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đúng với hồ sơ
42	Foundation of Statistical Natural Language Processing	Chrstopher D.Manning and Hinrich Schutze	MIT Press Cambridge, Massachusetts, England	2001	10	Khai thác văn bản và xử lý	Đúng với hồ sơ

						ngôn ngữ tự nhiên	
43	Computer Vision: A Modern Approach	David A. Forsyth, Jean Ponce	Prentice Hall	2011	5	Đồ án xuyên ngành	Đúng với hồ sơ
44	Giáo trình Mạng máy tính	Phạm Thế Quế	NXB thông tin và truyền thông.	2009	4	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
45	Giáo trình Nguyên lý Hệ điều hành.	Hồ Đắc Phương	NXB Giáo dục Việt Nam.	2009	12	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
46	Nhập môn về kỹ thuật	Phạm Ngọc Tuấn	NXB ĐH Quốc gia TP.HCM	2012	12	Nhập môn về kỹ thuật	Đúng với hồ sơ
47	Speech and Audio Signal Processing: Processing and Perception of Speech and Music	Ben Gold	Wiley	2011	5	Xử lý tiếng nói	Đúng với hồ sơ
48	Advanced Programming Techniques	Rex A. Barzee	Maia L.L.C	2013	5	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
49	Programming in C Fourth Edition	Stephen G.Kochan	Pearson Education, Inc	2015	5	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
50	Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie	The C programming language	Prentice Hall International Editions	1997	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
51	Data Structures and Algorithm Analysis in C++, International Edition	Mark A. Weiss	Pearson Education	2014	6	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
52	Data Structures and Algorithms	Knowledge flow	Younish Pathan	2010	8	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
53	Computer Networks (5th Edition)	Andrew S. Tanenbaum, David J. Wetherall	Prentice Hall	2010	7	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ

54	Reinforcement Learning: An Introduction.	Sutton, Richard; Barto, Andrew	MIT Press	1998	5	Học tăng cường	Đúng với hồ sơ
55	Operating System Concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	John Wiley & Sons	2013	8	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
56	Operating Systems: Principles and Practice	Thomas Anderson	Recursive Books	2015	5	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
57	Abraham Silberschatz , Peter B. Galvin , Greg Gagne	Operating System Concepts (8th Edition)	Wiley	2008	10	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
58	Churcker, Clare	Beginning Database Design	Apress	2012	7	Cơ Sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
59	Beginning Database Design Solutions	Rod Stephens	Wrox	2010	8	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
60	Object-Oriented Programming in C++ 4th Edition	Robert Lafore	Sams	2002	5	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
61	Learning Object-Oriented Programming	Gastón C. Hillar	Packt Publishing	2015	7	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
62	Automation and Robotics.	Arreguin, Juan	Vienna, Austria: I-Tech and Publishing.	2008	5	Nhập môn robotics	Đúng với hồ sơ
63	Digital image processing	Gonzalez, Rafael	New York, NY: Pearson.	2018	10	Xử lý ảnh	Đúng với hồ sơ
64	Web Design in easy steps	Sean McManus		2014	12	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
65	Giáo trình thiết kế website	Nguyễn Quang Hải	Giáo dục Việt Nam,	2014	12	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ

66	Phương pháp luận quản lý dự án Công nghệ Thông Tin	Ngô Trung Việt, Nguyễn Kim Ánh, Phạm Ngọc Khôi	NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, Hà Nội	2011	10	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
67	internet of things (IoT)	Rouse, Margaret (2019).	IOTAagenda. Retrieved 14.	2019	5	IoT	Đúng với hồ sơ

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần	Đúng/ Không đúng so với hồ sơ
1	Toán rời rạc - Ứng dụng trong tin học	Kenneth H. Rosen	NXB Thống kê	8	Toán rời rạc	Đúng với hồ sơ
2	Human-Computer Interaction. Harlow, England: rentice Hall	Dix A. et al.,	ISBN- 10: 0130461091, 2004	10	Tương tác người – máy	Đúng với hồ sơ
3	Nhập môn logic học.	Phạm Đình Nghiệm.	Nxb. ĐHQG, Tp.HCM, 2007	10	Tư duy biện luận ứng dụng	Đúng với hồ sơ
4	Giáo trình Nhập Môn Trí Tuệ Nhân Tạo	Nguyễn Quang Hoan	Học viện Bưu chính Viễn thông, 2007	3	Trí tuệ nhân tạo	Đúng với hồ sơ
5	Giáo trình thiết kế website	Nguyễn Quang Hải	Giáo dục Việt Nam, 2014	14	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
6	Hướng dẫn thực hành Adobe Dreamweaver CS6	Nguyễn Khải Hoàn	Giao thông vận tải, 2011	15	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
7	Giáo trình mạng máy tính nâng cao	Huỳnh Nguyên Chính	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.	30	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
8	CCNA: Cisco certified network associate study guide (5 th)	Todd Lammle	SYBEX, 2005	20	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
9	Quản trị mạng Windows Server 2008 (Tập 1,2)	Ngọc Bích, Tường Thụy	NXB Thông tin và Truyền thông, 2012	13	Quản trị hệ thống	Đúng với hồ sơ

10	Christopher Allen.McGrawHill	Oracle Database 10g PL/SQL 101	2004	35	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
11	Ngô Trung Việt, Nguyễn Kim Ánh, Phạm Ngọc Khôi	” Phương pháp luận quản lý dự án Công nghệ Thông Tin”	NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, Hà Nội. 2011	10	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
12	A Framework for Programming and Problem Solving	Kenneth A. Lambert, Martin Oshorne,	Prentice Hall, 2003	30	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
13	Building Web Services with .NET Remoting and ASP.NET – Ashish Banerjee	Aravind Corera, Zach Greenvoss, Andrew owczyk, Christian Nagel, Chris Peiris, Thiru Thangarathinam, Brad Maiani.		5	Phát triển phần mềm theo hướng dịch vụ	Đúng với hồ sơ
14	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	TS Hà Quốc Trung	Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2011	40	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Đúng với hồ sơ
15	Giáo trình Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý	Phạm Minh Tuấn	NXB Hà Nội, 2005	10	Phát triển hệ thống thông tin kế toán	Đúng với hồ sơ
16	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI,VII,VIII,IX,X,XI),	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2013	10	Tư tưởng hồ chí minh	Đúng với hồ sơ
17	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, 2008.	10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Đúng với hồ sơ
18	Toán cao cấp	Trần Ngọc Hội, Nguyễn Chính	2009	13	Toán cao cấp	Đúng với hồ

		Thắng, Nguyễn Viết Đông			a1, a2	sơ
19	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương Chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003 và 2008.	14	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đúng với hồ sơ
20	The \$100 Startup: Reinvent The Way You Make A Living, Do What You Love, And Create A New Future,	Chris Guillebeau	Crown Business, 2012	7	Đổi mới sang tạo và khởi nghiệp	Đúng với hồ sơ
21	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Hoàng Ngọc Nhậm	NXB Đại học Kinh tế TP. HCM.	10	Xác suất thống kê	Đúng với hồ sơ
22	Cryptography: Theory and Practice - Chapman	DOUGLAS ROBERT STINTON	Hall/CRC, 2006.	6	An toàn và bảo mật thông tin	Đúng với hồ sơ
23	Big Data Made Easy - A Working Guide to the Complete Hadoop Toolset	Michael Frampton	Apress, 2014	10	Chuyên đề Dữ liệu lớn	Đúng với hồ sơ
24	Cấu trúc dữ liệu,	Nguyễn Trung Trực	NXB Thống kê, 2002	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
25	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiến Vương	NXB Thống Kê, 2009	5	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
26	C++ An Introduction to Computing, 3rd-Edition	Larry Nyhoff,	Joel Adams & amp	7	Cơ sở lập trình	Đúng với hồ sơ
27	XML Bible	Rusty Harold Inc.	IDG Books Worldwide, 2009	10	Công nghệ xml và ứng dụng	Đúng với hồ sơ
28	Database System	C.J. Date	Pearson Addison Wesley, 2004	12	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Đúng với hồ sơ
29	Architecting the Cloud - Design Decisions for	Michael J. Kavis	Wiley, 2014	12	Điện toán	Đúng với hồ

	Cloud Computing Service Models				đám mây	sơ
30	UNIX Operating System – The Development Tutorial via UNIX Kernel Services.	Yukun Liu, Yong Yue, Liwei Guo	Springer, 2011	13	Đồ án chuyên ngành	Đúng với hồ sơ
31	Giáo trình phân tích thiết kế phần mềm	Đỗ Văn Uy- Nguyễn Ngọc Bình,	Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2001	15	Hệ Điều Hành Unix - Linux	Đúng với hồ sơ
32	Agile ERP	Gerard Meszaros, Janice Aston	2007	10	Hệ kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp	Đúng với hồ sơ
33	Bài giảng Hệ Quản Trị Cơ Sở Dữ Liệu		Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, 2011	7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
34	Beginning Arduino Programming	Brian Evans	Technology in AcTion,	12	Phát triển ứng dụng internet of things	Đúng với hồ sơ
35	Discovering Knowledge in Data – An Introduction to Data Mining	Daniel T. Larose	Wiley & Sons, 2005	12	Khai phá dữ liệu	Đúng với hồ sơ
36	The C programming language	Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie	Prentice Hall International Editions, 1997	5	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
37	Java Programming 5 Edition	Joyce Farrell	Course Technology, 2010	3	Lập trình java	Đúng với hồ sơ
38	The java programming language (Vol. 2)	Arnold, K., Gosling, J., Holmes, D., & Holmes, D.	Reading: Addison-wesley, 2000	3	Lập trình java	Đúng với hồ sơ
39	Kỹ thuật xây dựng ứng dụng ASP.net	Nguyễn Văn Lân	Lao động xã hội, 2008	5	Lập trình web	Đúng với hồ sơ
40	Computer Networks, Fourth Edition	Andrew S. Tanenbeau	Prentice Hall Inc, 2003	6	Mạng máy tính	Đúng với hồ

						sơ
41	Operating System Concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	John Wiley & Sons, 2013	4	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
42	Exploring Engineering: An Introduction to Engineering and Design	Philip K., Robert B., William K., George W.	Second edition Elsevier, 2010	5	Nhập môn ngành công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
43	Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML	Phạm Nguyễn Cương- Hồ Tường Vinh	KHTN-TP HCM, 2015	12	Phân tích thiết và kế hệ thống thông tin	Đúng với hồ sơ

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

Bình Dương, ngày 4 tháng 4 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS Ngô Hồng Diệp

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO⁴

Tên ngành: **Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu**; Mã số: **7480205**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

Trường Đại học Thủ Dầu Một kính trình đề án đăng ký mở mã ngành đào tạo; Tên ngành: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu; Mã số: 7480205; Trình độ đào tạo: Đại học chính quy như sau:

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Qua 10 năm hoạt động, Trường đã định hình là trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực phát triển theo định hướng ứng dụng, phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý “Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo”, trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương. Bộ máy Trường gồm Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 08 khoa, 15 phòng, ban chức năng và 11 trung tâm, 02 viện nghiên cứu. Tháng 11 năm 2017, trường Đại học Thủ Dầu Một đã hoàn thành công tác kiểm định và nhận giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng quốc gia.

Về nhân sự, đến tháng 06/2019, đội ngũ cán bộ khoa học của trường có 02 giáo sư, 18 phó giáo sư, 120 tiến sĩ, 480 thạc sĩ, 112 cán bộ - giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Về đào tạo, đến tháng 6/2019, quy mô của Trường là 15.000 sinh viên chính quy và 1.000 học viên cao học đang học tập và nghiên cứu ở 31 chương trình đào tạo đại học, 9 chương trình đào tạo cao học và 1 chương trình đào tạo tiến sĩ, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Tỷ lệ có việc làm ngay khi ra trường là trên 80%, tỷ lệ có việc làm ở khối ngành kinh tế, sư phạm cao hơn; tỷ lệ sinh viên khối ngành kỹ thuật, ngoại ngữ có việc làm bán thời gian phù hợp với chuyên ngành đào tạo từ khi chưa ra trường khá cao.

Về nghiên cứu khoa học, mục tiêu chiến lược là nghiên cứu về Đông Nam Bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đại học Thủ Dầu Một đang đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung nghiên cứu về công nghệ sinh học, nông nghiệp đô thị, chất lượng giáo dục, thành phố thông minh, trường học

⁴ Phụ lục III (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

thông minh. Tỷ lệ giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là 70%. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tỷ lệ cao.

Năm 2019, trường ĐH Thủ Dầu Một xếp vị trí 27 trên tổng số 256 các đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng, viện nghiên cứu ở Việt Nam có công bố quốc tế.

Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 50 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, Trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo thỏa thuận hỗ trợ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai ngành Kinh tế và Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.

Trong chiến lược phát triển đến năm 2020, Đại học Thủ Dầu Một sẽ hoàn thiện hệ thống đào tạo gồm 47 ngành đại học, 22 ngành cao học, 09 ngành tiến sĩ với quy mô là 15.100 học viên – sinh viên (ĐH: 14.000, Sau ĐH: 1.100), trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm với các trường đại học có uy tín trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới. Đến năm 2025, tỷ lệ ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu là 40% tổng số ngành đào tạo, tiến tới đạt tỷ lệ 60%; ngành đào tạo sau đại học chiếm 60% trên tổng số ngành đại học.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường bao gồm: 08 khoa, 13 phòng ban, 10 trung tâm, 02 viện, tạp chí, trạm y tế hiện đang tọa lạc tại: số 06 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường. Ngoài ra, cơ sở đang xây dựng của Trường: tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha được đầu tư xây dựng hiện đại, tích hợp nhiều công năng phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường trong tương lai.

2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

2.1 Xu hướng và chính sách quốc gia

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) đang diễn ra trên toàn cầu, vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội rất tốt để Việt Nam có thể tận dụng xử lý hàng loạt vấn đề lớn trong phát triển kinh tế đất nước và tái cơ cấu trong lĩnh vực công nghiệp, cải tiến mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và phát triển các ngành công nghiệp mới.

Trong bối cảnh này, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018, Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 52-NQ/TW trong việc phát triển công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khẳng định tận dụng tối đa lợi thế của nước đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, lợi thế thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến,

ché tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh.

2.2 Xu hướng phát triển nguồn nhân lực của vùng và địa phương

Quyết định số 252/QĐ-TTg ban hành ngày 13/02/2014, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN) cần được chú trọng để phát triển toàn diện và bền vững; từ đó, vùng sẽ trở thành động lực đầu tàu; là trung tâm kinh tế, thương mại, văn hóa,... của cả nước và khu vực.

Vùng Đông Nam Bộ (bao gồm 6 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; hội tụ phần lớn các điều kiện và lợi thế nổi trội để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa; đặc biệt là phát triển công nghiệp công nghệ cao, cơ khí, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu ứng dụng và triển khai khoa học – công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.... (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Hội nghị “Quy hoạch phát triển nhân lực các tỉnh vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2020” ngày 27 tháng 12 năm 2010 tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Trung tâm dự báo nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM cũng vừa đưa ra bảng phân tích thị trường lao động năm 2018 và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2019. Theo đó, năm 2018 dự kiến TP.HCM có nhu cầu 300.000 chỗ làm việc, tăng bình quân 5% so với năm 2017, trong đó có 130.000 chỗ làm việc mới, tăng 4% so với năm 2017. Trong đó, ngành Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu là những ngành có nhu cầu tuyển dụng cao.

Tỉnh Bình Dương, với định hướng 6 nhóm ngành công nghiệp trọng điểm ưu tiên phát triển là cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp và 3 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực là nhóm sản phẩm điện - điện tử, sản phẩm cơ khí chính xác và các sản phẩm hóa dược. Đồng thời, với lợi thế có 28 khu công nghiệp đang hoạt động, đã thu hút trên 8.500 dự án đầu tư, trong đó có trên 2.000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn 11 triệu USD. Vì vậy, nhu cầu về lao động nghề hàng năm của các doanh nghiệp ở Bình Dương là cao, đặc biệt là nhóm ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.

Tổng hợp từ những yếu tố trên, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ của trường Đại học Thủ Dầu Một, đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo nhận thấy việc tăng cường quy mô đào tạo kỹ sư ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu là cần thiết. Đồng thời với những đầu tư vào công tác đào tạo cán bộ giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường quản lý và giám sát quá trình đào tạo, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu và thư viện điện tử trong giảng dạy, tăng thời lượng thực hành và triết lý giáo dục hòa hợp tích cực. Đây chính là những thế mạnh của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Điều này đảm bảo cho Khoa Kỹ thuật – Công nghệ có môi trường đào tạo thuận lợi để phát triển đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu xã hội.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

A - Năng lực cơ sở đào tạo.

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

Bảng 1.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu gắn ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Xuân Dũng Năm sinh: 1949	Tiến sĩ, Tiệp Khắc, năm: 1989	Tin học – Điều khiển học	Theo lý lịch khoa học
2	Hoàng Mạnh Hà Năm sinh: 1971 Giảng viên, Phó GD Chương trình Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	Tiến sĩ, Việt Nam, năm 2012	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Theo lý lịch khoa học
3	Trần Bá Minh Sơn Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa Học Máy Tính	Theo lý lịch khoa học
4	Dương Kim Chi Năm sinh: 1978 Giảng viên	Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, năm: 2009	Tin học	Theo lý lịch khoa học
5	Cao Thanh Xuân Năm sinh: 1977 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
6	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Theo lý lịch khoa học
7	Trần Cẩm Tú Năm sinh: 1985 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
8	Huỳnh Nguyễn Thành Luân Năm sinh: 1987 Giảng viên	Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, Năm 2012	Truyền dữ liệu	Theo lý lịch khoa học
9	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2018	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
10	Nguyễn Tấn Lộc Năm sinh 1984	Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2013	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học

Bảng 1.1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
	Lê Tuấn Anh Năm sinh: 1974	PGS, năm 2016	Tiến sĩ, Hàn Quốc, năm: 2012	Kỹ thuật máy tính	Nhập môn ngành công nghệ thông tin, Nguyên lý hệ điều hành
	Phan Thanh Bằng Năm sinh: 1957		Thạc sĩ, Việt Nam, năm:		Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ, Triết học Mác – Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
	Trương Hải Huyền Thanh Năm sinh: 1989		Thạc sỹ: Hàn Quốc, 2014	Quản trị Marketing	Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing
	Lê Văn Gấm Năm sinh: 1990		Thạc Sỹ, Việt Nam, 2019	Luật	Pháp luật đại cương
	Huỳnh Duy Nhân Năm sinh: 1974		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2008	Vật lý chất rắn	Vật lý đại cương 1
	Nguyễn Xuân Dũng Năm sinh: 1949		Tiến sĩ, Tiệp Khắc, năm: 1989	Tin học – Điều khiển học	Thuật toán ứng dụng, An toàn và bảo mật thông tin Giới thiệu về khoa học dữ liệu và dữ liệu lớn
	Nguyễn Thị Kim Ngân Năm sinh: 1983		Tiến sĩ, Pháp, năm 2010	Toán học	Toán cao cấp A1 Tối ưu hóa Mô hình toán sinh thái
	Võ Việt Trí Năm sinh:		Tiến sĩ, Việt Nam,	Toán học – Giải tích toán học	Toán cao cấp A2 Giải tích phức

	1966		Năm 2016		Giải tích thực
	Hoàng Mạnh Hà Năm sinh: 1971 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, năm 2012	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Phương pháp tính, Xác suất thống kê. Thị giác máy tính Trí tuệ nhân tạo
	Dương Kim Chi Năm sinh: 1978 Giảng viên		Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, năm: 2009	Tin học	Giới thiệu ngôn ngữ R và thống kê mô tả Phân tích dữ liệu với R Nhập môn Sinh Tin học
	Cao Thanh Xuân Năm sinh: 1977 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa học máy tính	Lý thuyết đồ thị Kỹ thuật lập trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Cơ sở dữ liệu hệ quản trị cơ sở dữ liệu Phân tích trực quan và biểu diễn trong khoa học dữ liệu
	Trần Cẩm Tú Năm sinh: 1985 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên Lập trình cho Khoa học dữ liệu
	Trần Bá Minh Sơn Năm sinh: 1982 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm: 2009	Khoa học máy tính	Hệ thống kinh doanh thông minh Mạng máy tính Hệ thống thông tin địa lý
	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2018	Khoa học máy tính	Toán rời rạc Mạng Neural và ứng dụng Truy hồi thông tin và tìm kiếm web
	Nguyễn Hữu Vĩnh		Thạc sĩ, Việt Nam 2012		Phương pháp lập trình hướng đối tượng
	Đặng		Thạc sĩ,		Nguyên lý hệ điều hành

	Phạm Hữu Thảo Năm sinh: 1984		Việt Nam 2011		Mô hình và điều khiển robotics
	Bùi Thanh Hùng		Tiến sỹ, Nhật Bản, 2013		Học máy Lập trình Python cơ bản Đồ án xuyên ngành
	Nguyễn Tân Lộc Năm sinh 1984	Thạc sỹ, Việt Nam , năm 2013	Công nghệ thông tin		Học máy 1: Phương pháp phân loại trong khoa học dữ liệu và Dữ liệu lớn Khai thác văn bản và xử lý ngôn ngữ tự nhiên
	Vũ Văn Nam Năm sinh: 1967	Thạc sỹ Giảng viên chính năm: 2001	Công nghệ thông tin		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python Mô hình đồ họa xác suất Quy hoạch thực nghiệm
	Nguyễn Kim Duy Năm sinh: 1983	Thạc sỹ, Việt Nam, Năm 2016	Công nghệ thông tin		Học sâu 1 Học sâu 2 Học tăng cường
	Nguyễn Đình Thọ Năm sinh: 1985	Thạc sỹ, Việt Nam, Năm 2015			Điên toán đám mây IoT
	Nguyễn Ngọc Thận Năm sinh: 1974	Thạc sỹ, Việt Nam, Năm 2007	Công nghệ thông tin		Kỹ thuật lấy mẫu khảo sát Hệ thống cho phân tích dữ liệu lớn Tính toán song song, phân tán
	Trần Văn Tài Năm sinh: 1986	Thạc sỹ, Việt Nam, Năm 2016	Công nghệ thông tin		Phân tích chuỗi thời gian Bảo mật hệ thống và Mạng Cơ sở dữ liệu,

1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

Bảng 1.2.1. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
1	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2016	Khoa học máy tính	Các học phần liên quan đến xử lý tiếng nói
2	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Các học phần liên quan đến cơ sở dữ liệu
3	Võ Thị Diễm Hương Năm sinh: 1985	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2017	Hệ thống Thông tin	Các học phần liên quan đến xử lý ngôn ngữ tự nhiên
4	Đặng phạm Hữu Thảo Năm sinh: 1984	Thạc sĩ, 2011	Phòng thực hành Thành phố thông minh, Thực hành máy tính cơ bản	Tính toán song song
5	Trần Bá Minh Sơn	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa Học Máy Tính	Các học phần liên quan đến thị giác máy tính

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Bảng 2.1 – Danh sách phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học từ 20 – 30 chỗ ngồi	23		Tivi 65 inch	1	
2	Phòng học từ 40 – 60 chỗ ngồi	91		Tivi 65 inch	1	

3	Phòng học từ 63 – 84 chỗ ngồi	42		Tivi 65 inch	1
4	Phòng học từ 90-160 chỗ ngồi	16		Tivi 65 inch	1
5	Hội trường 1 sức chứa 250 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1
6	Hội trường 2 sức chứa 660 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1
7	Phòng máy tính	09		Bộ máy vi tính để bàn	500
8	Phòng thí nghiệm dữ liệu lớn	01			

Bảng 2.2 – Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng thực hành máy tính 1	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
2	Phòng thực hành máy tính 2	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
3	Phòng thực hành máy tính 3	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	
4	Phòng thực hành máy tính 4	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	
5	Phòng thực hành máy tính 5	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: Phát triển phần mềm kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
6	Phòng thực hành	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên

	máy tính 6		Máy chiếu	1	ngành: phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
7	Phòng thực hành máy tính 7	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
8	Phòng thực hành máy tính 8	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
9	Phòng thực hành máy tính 9	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
10	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	100	Bộ máy vi tính để bàn	11	- Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.
			Máy in 3D	1	
			Hệ thống thực tập mạng máy tính Cisco	1	
			Hệ thống truyền thông băng rộng	1	
11	Phòng máy tính hiệu năng cao	50	Máy tính hiệu năng cao	1	Các học phần Đồ án, báo cáo tốt nghiệp

3. Thư viện

Diện tích thư viện: 1.980m²;

Diện tích phòng đọc: 1.410m²;

Số chỗ ngồi: 468;

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40;

Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0;

Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn với sách 2.750, bài báo 5.600.

3.1. Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

Bảng 3.1 - Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần	Đúng/ Không đúng so với hồ sơ
1	Toán rời rạc	Nguyễn Hữu Anh	LĐXH	2006	15	Toán rời rạc và LT Đồ thị	Đúng với hồ sơ
2	Toán rời rạc	Nguyễn Đức	NXB Giáo dục	1997	10	Toán rời	Đúng

		Nghĩa – Nguyễn Tô Thành,				rac và LT Đồ thị	với hồ sơ
3	Giáo trình Giáo trình Tương tác Người Máy.	Lương Mạnh Bá.	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2010	12	Tương tác người – máy	Đúng với hồ sơ
4	Logic học và phương pháp nghiên cứu khoa học.	Lê Tử Thành.	Nxb. Trẻ, Tp.HCM.	2005	20	Tư duy biện l luận sáng tạo	Đúng với hồ sơ
5	Giáo trình Nhập Môn Trí Tuệ Nhân Tạo.	Hoàng Kiếm	Đại học Quốc Gia Tp.HCM – Đại học CNTT,	2010	20	Trí tuệ nhân tạo	Đúng với hồ sơ
6	Convex Optimization	Stephen Boyd	Cambridge University Press	2004	30	Tối ưu hóa	Đúng với hồ sơ
7	Lý thuyết tối ưu và đô thị	Doãn Tam Hòe	Nhà xuất bản Giáo dục.	2005.	2	Tối ưu hóa	Đúng với hồ sơ
8	Python code for Artificial Intelligence: Foundations of Computational Agents	David L. Poole	AIPython	2020	10	Lập trình cho AI và DS	Đúng với hồ sơ
9	Hệ quản trị CSDL Oracle	Nguyễn Thị Trà Linh	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2013	11	Hệ quản trị csdl oracle	Đúng với hồ sơ
10	Bài giảng Chuyên đề quản trị dự án Công nghệ thông tin	TS. Trương Mỹ Dung	NXB ĐH Quốc gia Hồ Chí Minh.	2005	8	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
11	C++ & Lập trình hướng đối tượng	GS. Phạm Văn Ất	NXB Khoa học và Kỹ thuật.		10	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
12	A Framework for Programming and Problem Solving	Kenneth A. Lambert, Martin Oshorne,	Prentice Hall	2003	10	- Đồ án xuyên ngành - Thực	Đúng với hồ sơ

						tập cán bộ kỹ thuật - Thực tập tốt nghiệp	
13	Mathematical Statistics and Data Analysis,	John A. Rice	Thomson Brooks/ Cole	2007	3	Phân tích thống kê Giới thiệu ngôn ngữ R và thống kê mô tả Phân tích dữ liệu với R	Đúng với hồ sơ
14	Machine learning,	T.M. Mitchell	McGraw-Hill, USA.	1997	15	Học máy	Đúng với hồ sơ
15	Data Mining Concepts and Techniques	Jiawei Han	Elsevier	2012	12	Khai phá dữ liệu	Đúng với hồ sơ
16	Hệ Thống thông tin kế toán	Nguyễn Thế Hưng		2012	10	Phát triển hệ thống thông tin kế toán	Đúng với hồ sơ
17	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2011	20	Tư tưởng hồ chí minh	Đúng với hồ sơ
18	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia.	2012	13	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đúng với hồ sơ

	Hồ Chí Minh)						
19	Toán cao cấp	Nguyễn Văn Khuê, Phạm Ngọc Thao	NXB ĐHQG	1996.	35	Toán cao cấp a1, a2	Đúng với hồ sơ
20	Life (level A1-A2)	Hughes, J.; Stephenson, H. & Dummett, P.	Cengage	2014	10	Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3, Anh văn 4	Đúng với hồ sơ
21	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009, 2010, 2011, 2012 và 2013.	30	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đúng với hồ sơ
22	Entrepreneurship –Successfully Launching New Ventures, 4 th edition	Bruce R. Barringer and R. Duane Ireland	Pearson Education.	2012	5	Khởi sự kinh doanh 1, 2	Đúng với hồ sơ
23	Nguyên lý Kế toán	PGS. TS Võ Văn Nhị	NXB Thống kê	2005	40	Nguyên lý kế toán	Đúng với hồ sơ
24	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận	NXB Thống Kê	2008	40	Xác suất thống kê	Đúng với hồ sơ
25	Giáo trình Mật mã học và Hệ thống Thông tin an toàn	Thái Thanh Tùng	Thông tin và Truyền thông	2011	10	An toàn và bảo mật thông tin	Đúng với hồ sơ
26	Studies in Big Data	Bhuyan, Prachet_ Chenthati, Deepak_ Mohanty, Hrushiksha	Springer	2015	10	Giới thiệu về khoa học dữ liệu và dữ liệu lớn	Đúng với hồ sơ
27	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Đình Mạnh Tường	Nhà xuất bản khoa học kỹ	2001	13	Cấu trúc dữ liệu	Đúng với hồ

			thuật.			và giải thuật	sơ
28	Cơ sở dữ liệu	Đồng Thị Bích Thủy, Nguyễn Trần Minh Thư, Phạm Thị Bạch Huệ	Khoa Học Kỹ Thuật.	2010	18	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
29	Nhập môn lập trình	Trần Đan Thu	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2011	14	Cơ sở lập trình	Đúng với hồ sơ
30	Neural Networks and Deep Learning	Charu C. Aggarwal	Springer	2018	5	Học máy-deep learning	Đúng với hồ sơ
31	Giáo trình thiết kế cơ sở dữ liệu	Trịnh Minh Tuấn	Nhà xuất bản Đại học quốc gia.	2010	10	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
32	Giáo trình điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thăng	Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa Hà Nội.	2014	6	Điện toán đám mây	Đúng với hồ sơ
33	Scalable Parallel Computing: Technology, Architecture, Programming	Kai Hwang &	McGRAW-HILL	1997	10	Tính toán song song	Đúng với hồ sơ
34	Hệ Điều Hành Unix – Linux	Hà Quang Thụy, Nguyễn Trí Thành	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2009	5	Hệ Điều Hành Unix – Linux	Đúng với hồ sơ
35	Enterprise Resource Planning.	Mary Sumner	Pearson Education Limited.	2014	5	Đổi mới, Sáng tạo và Khởi nghiệp	Đúng với hồ sơ
36	Artifitial Intelligent in Praticce	Matt Ward	Wiley	2009	7	Biểu diễn và giải quyết vấn đề trong trí tuệ nhân tạo	Đúng với hồ sơ
37	Hệ thống thông tin địa lý GIS	Phạm Hữu Đức	NXB Xây dựng	2006	10	Hệ thống	Đúng với hồ

						thông tin địa lý	sơ
38	Designing the Internet of Things	Adrian McEwen, Hakim Cassimally	Wiley	2014	12	internet of things	Đúng với hồ sơ
39	Giáo trình khai thác dữ liệu	Đỗ Phúc	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.	2008	12	Khai phá dữ liệu	Đúng với hồ sơ
40	Lập trình cơ bản	Lê Xuân Việt, Dương Hoàng Huyền, Đinh Thị Hồng Huyền, Đoàn Đức Tùng	NXB Xây dựng.	2016	13	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
41	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Phan Thị Tươi,	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2012	15	Khai thác văn bản và xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đúng với hồ sơ
42	Foundation of Statistical Natural Language Processing	Chrstopher D.Manning and Hinrich Schutze	MIT Press Cambridge, Massachusetts, England	2001	10	Khai thác văn bản và xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đúng với hồ sơ
43	Computer Vision: A Modern Approach	David A. Forsyth, Jean Ponce	Prentice Hall	2011	5	Đồ án xuyên ngành	Đúng với hồ sơ
44	Giáo trình Mạng máy tính	Phạm Thế Quế	NXB thông tin và truyền thông.	2009	4	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
45	Giáo trình Nguyên lý Hệ điều hành.	Hồ Đắc Phương	NXB Giáo dục Việt Nam.	2009	12	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
46	Nhập môn về kỹ thuật	Phạm Ngọc Tuấn	NXB ĐH Quốc gia TP.HCM	2012	12	Nhập môn về kỹ thuật	Đúng với hồ sơ
47	Speech and Audio Signal Processing:	Ben Gold	Wiley	2011	5	Xử lý tiếng nói	Đúng với hồ

	Processing and Perception of Speech and Music						sơ
48	Advanced Programming Techniques	Rex A. Barzee	Maia L.L.C	2013	5	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
49	Programming in C Fourth Edition	Stephen G.Kochan	Pearson Education, Inc	2015	5	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
50	Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie	The C programming language	Prentice Hall International Editions	1997	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
51	Data Structures and Algorithm Analysis in C++, International Edition	Mark A. Weiss	Pearson Education	2014	6	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
52	Data Structures and Algorithms	Knowledge flow	Younish Pathan	2010	8	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
53	Computer Networks (5th Edition)	Andrew S. Tanenbaum, David J. Wetherall	Prentice Hall	2010	7	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
54	Reinforcement Learning: An Introduction.	Sutton, Richard; Barto, Andrew	MIT Press	1998	5	Học tăng cường	Đúng với hồ sơ
55	Operating System Concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	John Wiley & Sons	2013	8	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
56	Operating Systems: Principles and Practice	Thomas Anderson	Recursive Books	2015	5	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
57	Abraham Silberschatz, Peter B. Galvin, Greg Gagne	Operating System Concepts (8th Edition)	Wiley	2008	10	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
58	Churchar, Clare	Beginning Database Design	Apress	2012	7	Cơ Sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
59	Beginning	Rod Stephens	Wrox	2010	8	Cơ sở	Đúng

	Database Design Solutions					dữ liệu	với hồ sơ
60	Object-Oriented Programming in C++ 4th Edition	Robert Lafore	Sams	2002	5	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
61	Learning Object-Oriented Programming	Gastón C. Hillar	Packt Publishing	2015	7	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
62	Automation and Robotics.	<i>Arreguin, Juan</i>	<i>Vienna, Austria: I-Tech and Publishing.</i>	2008	5	Nhập môn robotics	Đúng với hồ sơ
63	Digital image processing	Gonzalez, Rafael	New York, NY: Pearson.	2018	10	Xử lý ảnh	Đúng với hồ sơ
64	Web Design in easy steps	Sean McManus		2014	12	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
65	Giáo trình thiết kế website	Nguyễn Quang Hải	Giáo dục Việt Nam,	2014	12	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
66	Phương pháp luận quản lý dự án Công nghệ Thông Tin	Ngô Trung Việt, Nguyễn Kim Anh, Phạm Ngọc Khôi	NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, Hà Nội	2011	10	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
67	internet of things (IoT)	Rouse, Margaret (2019).	IOTAgenda. Retrieved14.	2019	5	IoT	Đúng với hồ sơ

3.2. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo.

Bảng 3.2 - Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần	Đúng/ Không đúng so với hồ sơ
1	Toán rời rạc - Ứng dụng	Kenneth H.Rosen	NXB Thống	8	Toán rời	Đúng

	trong tin học		Kê		rac	với hồ sơ
2	Human-Computer Interaction. Harlow, england: rentice Hall	Dix A. et al.,	ISBN- 10: 0130461091, 2004	10	Tương tác người – máy	Đúng với hồ sơ
3	Nhập môn logic học.	Phạm Đình Nghiệm.	Nxb. ĐHQG, Tp.HCM, 2007	10	Tư duy biện luận ứng dụng	Đúng với hồ sơ
4	Giáo trình Nhập Môn Trí Tuệ Nhân Tạo	Nguyễn Quang Hoan	Học viện Bru chính Viễn thông, 2007	3	Trí tuệ nhân tạo	Đúng với hồ sơ
5	Giáo trình thiết kế website	Nguyễn Quang Hải	Giáo dục Việt Nam, 2014	14	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
6	Hướng dẫn thực hành Adobe Dreamweaver CS6	Nguyễn Khải Hoàn	Giao thông vận tải, 2011	15	Thiết kế web	Đúng với hồ sơ
7	Giáo trình mạng máy tính nâng cao	Huỳnh Nguyên Chính	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.	30	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
8	CCNA: Cisco certified network associate study guide (5 th)	Todd Lammle	SYBEX, 2005	20	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
9	Quản trị mạng Windows Server 2008 (Tập 1,2)	Ngọc Bích, Tường Thụy	NXB Thông tin và Truyền thông, 2012	13	Quản trị hệ thống	Đúng với hồ sơ
10	Christopher Allen.McGrawHill	Oracle Database 10g PL/SQL 101	2004	35	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
11	Ngô Trung Việt, Nguyễn Kim Ánh, Phạm Ngọc Khôi	” Phương pháp luận quản lý dự án Công nghệ Thông Tin”	NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, Hà Nội. 2011	10	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
12	A Framework for Programming and Problem Solving	Kenneth A. Lambert, Martin Osborne,	Prentice Hall, 2003	30	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Đúng với hồ sơ
13	Building Web Services with .NET Remoting and ASP.NET – Ashish Banerjee	Aravind Corera, Zach Greenvoss, Andrew owczyk, Christian Nagel,		5	Phát triển phần mềm	Đúng với hồ sơ

		Chris Peiris, Thiru Thangarathinam, Brad Maiani.			theo hướng dịch vụ	
14	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	TS Hà Quốc Trung	Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2011	40	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Đúng với hồ sơ
15	Giáo trình Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý	Phạm Minh Tuấn	NXB Hà Nội, 2005	10	Phát triển hệ thống thông tin kế toán	Đúng với hồ sơ
16	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI),	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2013	10	Tư tưởng hồ chí minh	Đúng với hồ sơ
17	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, 2008.	10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Đúng với hồ sơ
18	Toán cao cấp	Trần Ngọc Hội, Nguyễn Chính Thắng, Nguyễn Viết Đông	2009	13	Toán cao cấp a1, a2	Đúng với hồ sơ
19	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương Chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003 và 2008.	14	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đúng với hồ sơ
20	The \$100 Startup: Reinvent The Way You Make A Living, Do What You Love, And Create A New Future,	Chris Guillebeau	Crown Business, 2012	7	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Đúng với hồ sơ
21	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Hoàng Ngọc Nhậm	NXB Đại học Kinh tế TP. HCM.	10	Xác suất thống kê	Đúng với hồ sơ

22	Cryptography: Theory and Practice - Chapman	DOUGLAS ROBERT STINTON	Hall/CRC, 2006.	6	An toàn và bảo mật thông tin	Đúng với hồ sơ
23	Big Data Made Easy - A Working Guide to the Complete Hadoop Toolset	Michael Frampton	Apress, 2014	10	Chuyên đề Dữ liệu lớn	Đúng với hồ sơ
24	Cấu trúc dữ liệu,	Nguyễn Trung Trực	NXB Thống kê, 2002	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đúng với hồ sơ
25	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiến Vương	NXB Thống kê, 2009	5	Cơ sở dữ liệu	Đúng với hồ sơ
26	C++ An Introduction to Computing, 3rd-Edition	Larry Nyhoff,	Joel Adams &	7	Cơ sở lập trình	Đúng với hồ sơ
27	XML Bible	Rusty Harold Inc.	IDG Books Worldwide, 2009	10	Công nghệ xml và ứng dụng	Đúng với hồ sơ
28	Database System	C.J. Date	Pearson Addison Wesley, 2004	12	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Đúng với hồ sơ
29	Architecting the Cloud - Design Decisions for Cloud Computing Service Models	Michael J. Kavis	Wiley, 2014	12	Điện toán đám mây	Đúng với hồ sơ
30	UNIX Operating System – The Development Tutorial via UNIX Kernel Services.	Yukun Liu, Yong Yue, Liwei Guo	Springer, 2011	13	Đồ án chuyên ngành	Đúng với hồ sơ
31	Giáo trình phân tích thiết kế phần mềm	Đỗ Văn Uy- Nguyễn Ngọc Bình,	Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2001	15	Hệ Điều Hành Unix - Linux	Đúng với hồ sơ
32	Agile ERP	Gerard Meszaros, Janice Aston	2007	10	Hệ kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp	Đúng với hồ sơ
33	Bài giảng Hệ Quản Trị		Trường Đại	7	Hệ quản	Đúng

	Cơ Sở Dữ Liệu		học Hàng Hải Việt Nam, 2011		trị cơ sở dữ liệu	với hồ sơ
34	Beginning Arduino Programming	Brian Evans	Technology in AcTion,	12	Phát triển ứng dụng internet of things	Đúng với hồ sơ
35	Discovering Knowledge in Data – An Introduction to Data Mining	Daniel T. Larose	Wiley & Sons, 2005	12	Khai phá dữ liệu	Đúng với hồ sơ
36	The C programming language	Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie	Prentice Hall International Editions, 1997	5	Kỹ thuật lập trình	Đúng với hồ sơ
37	Java Programming 5 Edition	Joyce Farrell	Course Technology, 2010	3	Lập trình java	Đúng với hồ sơ
38	The java programming language (Vol. 2)	Arnold, K., Gosling, J., Holmes, D., & Holmes, D.	Reading: Addison-wesley, 2000	3	Lập trình java	Đúng với hồ sơ
39	Kỹ thuật xây dựng ứng dụng ASP.net	Nguyễn Văn Lân	Lao động xã hội, 2008	5	Lập trình web	Đúng với hồ sơ
40	Computer Networks, Fourth Edition	Andrew S. Tanenbeau	Prentice Hall Inc, 2003	6	Mạng máy tính	Đúng với hồ sơ
41	Operating System Concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	John Wiley & Sons, 2013	4	Nguyên lý hệ điều hành	Đúng với hồ sơ
42	Exploring Engineering: An Introduction to Engineering and Design	Philip K., Robert B., William K., George W.	Second edition Elsevier, 2010	5	Nhập môn ngành công nghệ thông tin	Đúng với hồ sơ
43	Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML	Phạm Nguyễn Cương- Hồ Tường Vinh	KHTN-TP HCM, 2015	12	Phân tích thiết và kế hệ thống thông tin	Đúng với hồ sơ

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Trường Đại học Thủ Dầu Một đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học tại địa chỉ website <https://tdmu.edu.vn/>

2. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ đầu tư đầy đủ các lĩnh vực theo quy định để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đào tạo đối với ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường cam kết sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy.

3. Trường Đại học Thủ Dầu Một kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và chấp thuận cho Trường mở ngành đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

**DANH SÁCH LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN⁵**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo
1	Nguyễn Xuân Dũng Năm sinh: 1949 Giảng viên	Tiến sĩ, Tiệp Khắc, năm: 1989	Tin học – Điều khiển học
2	Hoàng Mạnh Hà Năm sinh: 1971 Giảng viên, Phó GD Chương trình Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	Tiến sĩ, Việt Nam, năm 2012	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán
3	Trần Bá Minh Sơn Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa Học Máy Tính
4	Dương Kim Chi Năm sinh: 1978 Giảng viên	Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, năm: 2009	Tin học
5	Cao Thanh Xuân Năm sinh: 1977 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa học máy tính
6	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin
7	Trần Cẩm Tú Năm sinh: 1985 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính
8	Huỳnh Nguyễn Thành Luân Năm sinh: 1987 Giảng viên	Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, Năm 2012	Truyền dữ liệu
9	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2018	Khoa học máy tính
10	Nguyễn Tấn Lộc Năm sinh 1984	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2013	Công nghệ thông tin

⁵ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Nguyễn Hải Vĩnh Cường

2. **Giới tính:** Nam.....

3. **Ngày sinh:** 28/05/1991

4. **Nơi sinh:** Sơn Dương, Lâm Thao, Phú Thọ.....

5. **Nguyên quán** Hiệp Thành Thủ Dầu Một Bình Dương

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Kỹ Thuật Phần Mềm.....

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Kỹ Thuật Công Nghệ

7. **Học vị cao nhất:** Thạc Sĩ..... Năm đạt học vị:2018.....

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	Địa chỉ	Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	3D5 đường số 6GD2 Hiệp Thành Thủ Dầu Một Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0819290629
3	Email	cuongnhv@tdmu.edu.vn	Cuongnhv91@gmail.com

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

<i>TT</i>	<i>Tên ngoại ngữ</i>	<i>Nghe</i>	<i>Nói</i>	<i>Viết</i>	<i>Đọc hiểu tài liệu</i>
-----------	----------------------	-------------	------------	-------------	--------------------------

		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1	Tiếng Anh		x				x		x			x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2018 đến 2019	Đại Học Bình Dương	Giảng Viên
Từ 2019 đến nay	Đại Học Thủ Dầu Một	Giảng Viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2015	Đại Học Bách Khoa TP.HCM	Khoa Học Máy Tính	Hỗ trợ ra quyết định lập lịch trong các game mô phỏng
Thạc sỹ	2018	Đại Học Bách Khoa TP.HCM	Khoa Học Máy Tính	Bảo vệ tính riêng tư trong xác thực của hệ giao thông thông minh
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Nghiệp vụ sư phạm	2018	Đại Học Bình Dương	NVSP Khóa 3 Bình Dương

--	--	--	--

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực..... Công nghệ thông tin.....
- Chuyên ngành:Khoa Học máy tính.....

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Trí tuệ nhân tạo.....
2.IoT.....
3.Phát triển ứng dụng.....

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

DANH SÁCH DỰ ÁN

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>

1	"An Authentication Scheme to Preserve User's Privacy in Intelligent Transportation Systems", SEATUC 2018, Yogyakarta, Indonesia, 36- 45			
2	"A Privacy Preserving Authentication Scheme in the Intelligent Transportation Systems", Future Data and Security Engineering, FDSE 2018, 103- 123	0302-9743		

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Cung
Nguyễn Hải Vinh Cung

PHẦN I. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

1. Lý lịch khoa học

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: TRẦN CẨM TÚ

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 10/12/1985

4. Nơi sinh: Cương gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

5. Nguyên quán: Hà Tĩnh

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn: Kỹ thuật phần mềm

Khoa: Kỹ thuật công nghệ

Học vị cao nhất: Thạc sỹ

Năm đạt học vị: 2017

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu:

.....

10. Chức vụ:

.....

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TDM	10.19, Chung cư Đạt Gia, Cây Keo, Thủ Đức
2	Điện thoại/ fax		0978784994
3	Email		

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		x			x			x			x	
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2010 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2003-2008	Đại học Vinh	Kỹ sư Công nghệ Thông tin	Xây dựng website du lịch Nghệ An tin
Thạc sỹ	2015-2017	Đại học Khoa học Tự nhiên HCM	Khoa học máy tính	khai thác các mẫu phổ biến và luật kết hợp sử dụng độ đo tính tương đồng

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
Chứng chỉ	2010	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn	Chứng chỉ lý luận dạy học đại học
Chứng chỉ	2018	Đại học Thủ Dầu Một	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc đại học

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

16.2 Hướng nghiên cứu:

1.
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày 11 tháng 12 năm 2019

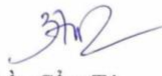
Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



 TS. Trần Văn Trung

Người khai

(Họ tên và chữ ký)


 Trần Cẩm Tú

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Hồ Đắc Hưng.....

2. **Giới tính:** Nam.....

3. **Ngày sinh:** 17/09/1991

4. **Nơi sinh:** Thành phố Hồ Chí Minh.....

5. **Nguyên quán:** Thừa Thiên Huế

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Kỹ thuật phần mềm.....

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Kỹ thuật Công nghệ.....

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sỹ Năm đạt học vị: 2014

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên.....

11. Liên lạc:

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	Địa chỉ		1201A Đại lộ Bình Dương, khu 5, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0938 968 694
3	Email		hunghd@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

<i>TT</i>	<i>Tên ngoại ngữ</i>	<i>Nghe</i>	<i>Nói</i>	<i>Viết</i>	<i>Đọc hiểu tài liệu</i>
-----------	----------------------	-------------	------------	-------------	--------------------------

		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh		✓			✓			✓			✓	

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2017 đến nay	Khoa Kỹ thuật Công nghệ	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2009-2014	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Công nghệ phần mềm	Hệ thống quản lý đào tạo
Thạc sỹ	2014-2016	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Hệ thống thông tin	Hệ thống phân loại bài báo dựa trên nội dung
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm dành cho giảng viên	2018	Đại học Thủ Dầu Một	Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm dành cho giảng viên

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Hệ thống phân tán
2. Dữ liệu lớn
3. Học máy
4. Blockchain

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

--	--	--	--	--	--	--

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

2				
---	--	--	--	--

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Mô hình cấp phát tài nguyên công bằng trên điện toán đám mây dựa trên lý thuyết trò chơi	978-604-913-614-6		
2	Một mô hình học tăng cường cho vấn đề điều chỉnh tự động tài nguyên trong điện toán đám mây dựa trên fuzzy q-learning	978-604-913-614-6		

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Binh Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Họ: *Đức* - *Hùng*



PHẦN I. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

1. Lý lịch khoa học

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên:** Dương Thị Kim Chi.
- Giới tính:** Nữ.
- Ngày sinh:** 01- 01- 1978.
- Nơi sinh:** Thị xã Sa đéc, Đồng Tháp.
- Nguyên quán:** Đồng Tháp.

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn: Hệ thống Thông tin
Khoa: Kỹ thuật Công nghệ.

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ: Giảng viên

11. Liên lạc:

TT	Cơ quan	Cá nhân
----	---------	---------

1	Địa chỉ	Đại Học Thủ Dầu Một Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	Số 35, đường N1, Khu dân cư, K8, Tp. TDM.
2	Điện thoại/ fax	(0650) 3.822.518	0918.938.064
3	Email	http://tdmu.edu.vn	chidtk@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng anh			x			x			x			x

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 01/ 2002 đến 05/2014	Đại học Tiền Giang	Giảng viên
Từ 06 / 2014 đến nay	ĐH Thủ Dầu Một – Bình Dương	Giảng viên

11/11/2014

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận văn tốt nghiệp</i>
Đại học	1996 -2001	ĐH Cần Thơ	Tin học	
Thạc sỹ	2006 - 2009	ĐH Quốc gia TP HCM	Tin học	Hệ hỗ trợ ra quyết định thanh toán bảo hiểm y tế
Tiến sỹ	2016 -2020	ĐH Lạc Hồng	Công nghệ thông tin	Tối ưu hóa thiết kế Gene cho tái tổ hợp.

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Giấy chứng nhận	2015	Trường Đại học Tôn Đức Thắng.	Bayesian Analysis & Decision Theory.
Giấy chứng nhận	2016	Trường Đại Kiên Giang.	Thiết kế nghiên cứu và Phân tích dữ liệu.
Giấy chứng nhận	2017	Trường Đại học Tôn Đức Thắng.	Data Science and Machine Learning.
Giấy chứng nhận	2018	Trường Đại học Tôn Đức Thắng.	Scientific writing and Peer- reviewed publication

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:*16.1 Lĩnh vực chuyên môn:*

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Hệ thống thông tin

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Bioinformatic.
2. Text Mining, Machine Translation, Deep learning.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Ứng dụng mô hình Máy học hỗ trợ định danh nấm mốc ở Bình Dương.		2018-2019	40000000	Chủ nhiệm		

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sĩ		
2				Tiến sĩ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Bài báo: "Visualization of spatio-temporal data of bus tripsInternational"l Conference, Automation and Information Sciences (ICCAIS), 2012.	978-953-51-0763-7		

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi ch
1	Bài báo: "Xác định các tham số quan trọng cho việc thiết kế gen dùng trong tái tổ hợp", 2016, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia lần thứ IX	978-604-913-472-2		

	Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT 4-5/8/2016.			
2	Bài báo: “Dự đoán gen biểu hiện cao cho thiết kế gen dùng trong tái tổ hợp”, 2016 , Kỹ yếu Hội nghị quốc gia lần thứ IX Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT 4-5/8/2016.	978-604-913-472-2		
	Bài báo: “Mô hình dự đoán gen tương quan với hệ thống vật chủ dùng trong tái tổ hợp”, 2017 Kỹ yếu Hội nghị quốc gia lần thứ IX Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT 4-15/8/2017.	978-0316415842		
	Bài báo: “Ứng dụng máy học cho định danh loài <i>Nấm mốc</i> ”, 2018, Kỹ yếu Hội nghị quốc gia lần thứ IX Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT 4-15/8/2018.	978-604-913-749-5		

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>
1			

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

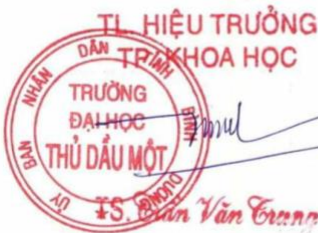
3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2019

Người khai

(Họ tên và chữ ký)



Kim Chi

ThS. Dương Thị Kim Chi

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên: NGUYỄN TẤN LỘC
- Giới tính: nam
- Ngày sinh: 28/11/1984
- Nơi sinh: Tân Bình -Tân Uyên -Bình Dương
- Nguyên quán: Tân Bình -Tân Uyên -Bình Dương
- Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Kỹ thuật Công nghệ

- Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2013

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ: Giảng viên

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương	Tân Bình -Tân Uyên - Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0914290456
3	Email		locnt@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Viết	Đọc hiểu tài liệu
----	---------------	------	-----	------	-------------------

		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1													
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2/2009 đến 5/2010	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương Trường Trung cấp Đông Nam	Giảng viên
Từ 6/2010 đến 11/2010	trường Trung tiểu học Việt Anh - Bình Dương	Giáo viên
12/2010- 9/2014	phòng CNTT Đại học Thủ Dầu Một	Chuyên viên CNTT
Từ 10/2014 đến nay	CNTT Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên Tổ trưởng elearning

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2002-2008	Đại học KHTN TP.HCM	CNTT	‘Xây dựng website hỗ trợ tự rèn luyện và học tập ‘
Thạc sỹ	2010-2013	Đại học CNTT TP.HCM	CNTT	

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
TOEFL 490	2013	IIG	

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kỹ thuật phần mềm
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Deep learning
2. Machine learning

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ - Đại học Thủ Dầu Một		2014	50.000.000	Chủ nhiệm	9/2014	Tốt
2	Nghiên cứu rút trích thông tin dựa trên cơ sở phân tích cảm xúc		2017	39.500.000	Chủ nhiệm	11/2017	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1	Enhanced Human Activity Recognition on Smartphone by Using Linear Discrimination Analysis Recursive Feature Elimination Algorithm	Scopus-978-3-319-56356-5		Bài báo
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Triển khai hệ thống eportfolio trong môi trường dạy học số		Bài báo kỷ niệm 10 năm thành lập trường	

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Finding babies on social media: A case of named entity recognition in Vietnamese documents	10.1109/KSE.2018.8573333	Bài báo	
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
KHOA HỌC



Bình Dương, ngày 20 tháng 06 năm 2019

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Tấn Lộc



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên:** CAO THANH XUÂN
- Giới tính:** Nam
- Ngày sinh:** 16/02/1977
- Nơi sinh:** xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
- Nguyên quán:** Trà Vinh
- Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Hệ thống thông tin

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

- Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2009

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

- Chức danh nghiên cứu:**

- Chức vụ:** Giảng viên

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ Đại học Thủ Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	499 Yersin, P. Phú Cường, Tp. TDM, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	02743.834.930	0936.009.108
3	Email	khcntt@googlegroups.com	caotxuan@gmail.com

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB

1	Tiếng Anh		x			x			X				x
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 9/2002 đến 9/2004	Hội Vô tuyến điện tử Tp. Hồ Chí Minh	Lập trình viên
Từ 10/2004 đến 10/2011	Trường THPT Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Giáo viên tin học
Từ 2/2012 nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên CNTT

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1998 – 2002	Đại học Ngoại Ngữ - Tin Học Tp. HCM	Công nghệ thông tin	Chương trình thi trắc nghiệm online môn tiếng Anh
Thạc sỹ	2007 – 2009	Đại học Sư Phạm Hà Nội	Khoa học máy tính	Nghiên cứu và xây dựng Phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ cho trường đại học
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
ISW	2016	ĐH Thủ Dầu Một	Tập huấn các kỹ năng giảng dạy
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	2018	ĐH Thủ Dầu Một	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Khai phá dữ liệu (Data mining)
2. Triển khai hệ thống BIM cho doanh nghiệp ngành xây dựng

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	XÂY DỰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỒ SƠ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT	Trường	12 tháng	50.244.000 VND	Tham gia	15/6/2015	Đạt
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia



Bình Dương, ngày 01 tháng 06 năm 2019

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG
 THỦ DẦU MỘT
 TS. Trần Văn Cường

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Cao Thanh Xuân

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên:** Huỳnh Nguyễn Thành Luân
- Giới tính:** Nam
- Ngày sinh:** 27/06/1987
- Nơi sinh:** Đồng Nai
- Nguyên quán:** X.Thường Tân, H.Bắc Tân Uyên, T.Bình Dương
- Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Kỹ thuật phần mềm

Khoa: Khoa Kỹ thuật và Công nghệ

- Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2012

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

- Chức danh nghiên cứu:**

- Chức vụ:** Giảng Viên

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	027-438-34930	0988.233.681
3	Email		luanhnt@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		x			x			x		x		

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 12/2009 đến 07/2016	CD Công Thương TP.HCM	Giảng viên
Từ 08/2016 đến nay	ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	09/2005 đến 10/2009	Đại học Giao Thông Vận Tải TP.HCM	Công nghệ thông tin	Xây dựng hệ thống mail server
Thạc sỹ	09/2010 đến 10/2012	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, CS2 TP.HCM	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Nghiên cứu phát hiện tấn công trong mạng cục bộ không dây
Tiến sỹ	09/2016 đến nay	ĐH Kyung Hee - Hàn Quốc	Khoa học và kỹ thuật máy tính	

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên	02/2010 - 08/2010	ĐH Sư Phạm TP.HCM	Nghiệp vụ sư phạm

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

11/11/2016

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Multi-Access Edge Computing
2. Network optimization

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng ngành Truyền thông và Mạng máy tính tại trường CĐ Công Thương TP.HCM	Cấp trường	2012-2013	5 triệu	Chủ nhiệm		Khá
2	Xây dựng hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM	Cấp trường	2013-2014	10 triệu	Chủ nhiệm		Khá

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1	Ryu, June-Woo, Quoc-Viet Pham, Huynh NT Luan, Won-Joo Hwang, Jong-Deok Kim, and Jung-Tae Lee. "Multi-Access Edge Computing Empowered Heterogeneous Networks: A Novel Architecture and Potential Works." <i>Symmetry</i> 11, no. 7 (2019): 842.	ISI		
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>

1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 20 tháng 06 năm 2019

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Huỳnh Nguyễn Thành Luân

LÝ LỊCH KHOA HỌC

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Xuân Dũng
2. Ngày tháng năm sinh: 01/08/1949 Nam ; Nữ ; Dân tộc: Kinh.
3. Đảng viên Đảng CSVN: .
4. Quê quán: Lai Trung, Quảng Điền, Thừa Thiên - Huế
5. Chỗ ở hiện nay: 15/2 Hoàng Minh Giám, phường 9, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ: 15/2 Hoàng Minh Giám, phường 9, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
7. Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Thủ Dầu Một
8. Địa chỉ cơ quan: 6 Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
9. Điện thoại Nhà riêng: 08 38452697 , Di động: 0913791612
10. Địa chỉ email: nxdung2005@yahoo.com Fax:
11. Chức vụ:

12. Được cấp các học vị:

Năm được cấp bằng ĐH: 1973 thuộc ngành: Toán, chuyên ngành: Giải tích hàm
Nơi cấp bằng ĐH : Đại học tổng hợp Bacu , nước: Liên Xô

Năm được cấp bằng TS: 1989 thuộc ngành: Toán- Lý , chuyên ngành: Tin học - Điều khiển học

Nơi cấp bằng TS : Đại học Tổng hợp Praha, nước: Tiệp Khắc.

21. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn : .1. NCS bảo vệ thành công luận án TS;
Đã hướng dẫn : .19.... HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
Đã hoàn thành : ...2..... đề tài NCKH cấp Bộ;
Đã hoàn thành : ...13.... đề tài NCKH cấp cơ sở,
Đã công bố : 15 bài báo khoa học trong nước;
Đã công bố : 4 bài báo khoa học ngoài nước;
Số sách đã xuất bản: .4
Năm công trình tiêu biểu nhất:

22. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng I, II, III
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển Khoa học Công nghệ

3. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Nga, Sec, Anh

3.1. Thuộc diện:

a) Được đào tạo ở nước ngoài

Học ĐH ; Tên nước đào tạo: Liên Xô

Bảo vệ luận án ThS, TS hoặc TSKH ; Tại nước: Tiệp Khắc
Thực tập dài hạn (>2 năm) ; Tại nước:

b) Được đào tạo ở trong nước :

Trường ĐH cấp bằng ĐH ngoại ngữ:.....; Năm cấp

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

Giảng dạy bằng ngoại ngữ.

Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác

Diễn giải:

3.2. Ngoại ngữ đăng ký để Hội đồng thẩm định:

4. Hướng dẫn TS, ThS:

TT	Họ và tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian HD từ.. đến	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
Hướng dẫn NCS								
1	Nguyễn Chí Hiếu	NCS			Phụ		ĐHBK TPHCM	2008
2	Tôn Thất Hòa An	NCS		Chính			ĐH CNTT TPHCM	Đang làm
Hướng dẫn học viên cao học								
1	Nguyễn Thanh Sơn		HVCH				ĐHBK Tp.HCM	1999
2	Lê Hoàng Nguyên		HVCH	Chính			-nt-	1999
3	Nguyễn Anh Kiệt		HVCH	Chính			-nt-	2001
4	Nguyễn Hải Triều		HVCH	Chính			-nt-	2003
5	Lại Đức Nhuận		HVCH	Chính			-nt-	2005
6	Lý Tiểu Bằng		HVCH	Chính			-nt-	2006
7	Lê Bích Phương		HVCH	Chính			-nt-	2006
8	Đình Khắc Quyền		HVCH	Chính			ĐHKHTN Tp. HCM	1995
9	Nguyễn Hải Tùng		HVCH	Chính			-nt-	1998
10	Nguyễn Tiến Đạt		HVCH	Chính			-nt-	1998

11	Nguyễn Thanh Chương		HVCH	Chính			-nt-	1998
12	Phạm Quốc Việt		HVCH	Chính			-nt-	1999
13	Lê Hồng Nam		HVCH	Chính			-nt-	2001
14	Trần Quang Quá		HVCH	Chính			-nt-	2002
15	Trần Hiền Đạt		HVCH	Chính			-nt-	2002
16	Nguyễn Kiến Quốc		HVCH	Chính			-nt-	2004
17	Đặng Thị Quỳnh Chi		HVCH				-nt-	2004
18	Phan Chánh Minh		HVCH				ĐH CNTT	2006
19	Trần Nguyễn Khôi Nguyên		HVCH				-nt-	2007

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo ĐH và SDH:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Thẩm định, xác nhận của CSGD
Trước khi bảo vệ TS						
1	Hàm số biến số phức và phép biến đổi Laplace	Giáo trình	Học viện KTQS 1977	1	Viết một mình	Học viện KTQS
2	Phương trình Vật lý - Toán	Giáo trình	Học viện KTQS 1978	2	Chủ biên	Học viện KTQS
3	Tin học căn bản	Sách	ĐHDL Văn Lang	2	Chủ biên	ĐH Văn Lang
4	Bảo mật Thông tin – Mô hình và Ứng dụng	Sách chuyên khảo	NXB Thống kê 2007		Viết một mình	ĐHBK Tp. HCM, ĐH Văn Lang

6. Chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài NCKH đã nghiệm thu:

TT	Tên chương trình (CT), đề tài (ĐT)	Chủ nhiệm	Tham gia	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Phân tích thiết kế Database truy cập qua mạng internet	CN		Phân viện CNTT Tp. HCM	2000	2000	Đã NT
2	Tìm hiểu các cơ chế vào mô hình bảo mật thông tin, nên xuất một số chiến lược bảo mật dữ liệu trong các hệ thống tin	CN		Phân viện CNTT Tp. HCM	2001	2001	Đã NT

3	Caoi fiãt moät soá cô cheá baøu maät thoàng tin trong maùy tính	CN		Phân viện CNTT Tp. HCM	2002	2002	Đã NT
4	Tim hieäu Thẻ Thoàng minh (Smart Card) - Caùc mô hình coàng nghệ, giãi phapù baø maät vaø Ứng dụg.	CN		Phân viện CNTT Tp. HCM			Đã NT
5	Xaây dõng caùc coàng cữ vaø giãi phapù baøu maät cho caùc hệ thoàng thoàng tin quãn lữ Nhaø nũduïc tãnh Baø Ròa – Vuõng Taøu	CN		Phân viện CNTT Tp. HCM	2005-2006		Đã NT
6	AÙp dụg mô hình kinh teá vó mô trong chính saùch kích caàu		TG	Bộ GD&ĐT	1999-2000	2000	Xuất sãt
7	Mô hình, giãi phapù vaø coàng nghệ phapù triẽn caùc hệ thoàng thoàng tin tích hõp trong quãn lữ caùc dòch vũ coàng – Caùc mô hình vaø tieâu chuaån kyõ thuaät cho vieïc xaây dõng caùc hệ thoàng dòch vũ coàng	CN		Viện CNTT	2003	2003	Đã NT
8	Mô hình, giãi phapù vaø coàng nghệ phapù triẽn caùc hệ thoàng thoàng tin tích hõp trong quãn lữ caùc dòch vũ coàng -Caùc coàng nghệ tích hõp WEB vòuì Cô sũ dũ lieäu	CN		Viện CNTT	2004	2004	Đã NT
9	Dự án “ Hệ thống thông tin kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh”		TG	Viện nghiên cứu kinh tế Tp. HCM	1996 -1997	1997	Đã NT
10	Qui hoạc tổng thể phát triẽn Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, giai đoạn 2006 – 2010 và ðịnh hướng ðến năm 2020	CN		UBND và Sở BC-VT Tỉnh BR-VT	2006	2007	Đã NT

7. Kết quả NCKH: Bài báo khoa học ðã công bố và bằng phát minh, sáng chế:

7.1 Bài báo khoa học ðã công bố:

TT	Tên bài báo khoa học	Số tác	Tên tạp chí,	Tập	Số	Trang	Năm
----	----------------------	--------	--------------	-----	----	-------	-----

		giã	kỹ yếu				công bố
1	Về cấu trúc tô pô của automat	1	Hội nghị KH Học viện KTQS 1977				
2	Về A-không gian tô pô	1	Hội nghị KH Học viện KTQS 1978				
3	Về tính bất động trong A-không gian tô pô	1	Hội nghị KH Viện Toán học VN 1980				
4	On Decidability of Skeletal Sets	1	Technique Report of Prague University, No 49, May 1989			10	1989
5	Some unsolvable Problems for Linear Languages	1	Conference Proceeding of HCM City Mathematics Consortium, April 1993, pp 205-210			6	1993
6	Theoretical Base for Chitil-Demner Error Recovery Method	1	Kỹ yếu Hội nghị KH ĐHBK TPHCM 1995			8	1995
7	Về hệ thống chương trình xử lý các thông số Cơ-Lý-Hóa của mẫu hỗn hợp dầu khí.	3	Proceeding of IV Informatics Week, 1995			2	1995
8	Tự động hóa xây dựng các mô hình để khảo sát ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng Châu Á lên một số khía cạnh kinh tế Việt Nam	4	Báo cáo Hội thảo quốc tế “ Khủng hoảng Châu Á và kinh tế Việt Nam”, Tp. HCM 12/1998			27	1998
9	Tự động rút trích các cụm từ Anh - Việt từ kho ngữ liệu song ngữ	3	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia lần thứ 2 – FAIR’05, Trang 398- 407, năm 2005			10	2005
10	Sử dụng kỹ thuật Pruning vào bài toán xác định từ loại	4	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, trang 14-23, tập 8, năm 2005			10	2005
11	Applying Natural Language Processing to Machine Translation	4	Hội nghị quốc tế IEEE-RIVF’06 (Poster), năm 2006				2006
12	English-Vietnames Noun Phase Extraction	4	Proceeding of The 9 th International Oriental COCOSDA, 2006, Conference O-COCOSDA 06, pp. 161-164			4	2006
13	Phrase-Base English-Vietnames Machine Translation	4	Proceeding of The 9 th International Oriental COCOSDA 2006, Conference O-COCOSDA 06, pp. 165-168			4	2006
14	Sửa lỗi tự động trong ngôn ngữ lập trình – Bài toán SK	1	Kỹ yếu Hội nghị Khoa học “Một số vấn đề thời sự			7	2006



 HỘI
 KHOA
 HỌC
 VÀ
 CÔNG
 NGHỆ

			trong CNTT và ứng dụng Toán học", Học viện KTQS. 2006, trang—303-309				
15	Về điều kiện cần để giải bài toán SK đối với ngôn ngữ phi ngữ cảnh đơn định	1	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học " Một số vấn đề thời sự trong CNTT và Ứng dụng Toán học", Học viện KTQS 2006, Trang 135-139			5	2006
16	Về tính giải được của bài toán SK đối với ngôn ngữ chính quy và ngôn ngữ DYCK	3	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học " Một số vấn đề thời sự trong CNTT và Ứng dụng Toán học", Học viện KTQS 2006, Trang 139-143			5	2006
17	Thiết lập cơ chế bảo mật và an toàn cho hệ thống	2	Tạp chí An toàn Thông tin số 1, 9/2006, trang 35-36			2	2006
18	Giải pháp bảo mật cho thẻ thông minh đa năng	2	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Viện Cơ học và Tin học ứng dụng, 6/2009, Tp. HCM, trang 296-304			9	2009
19	Mã chứng minh và khả năng phát hiện các lỗ hổng bảo mật	2	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Viện Cơ học và Tin học ứng dụng (Poster), 6/2009			7	2009

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ CHỨC DANH:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng.

TP HCM Ngày 10 tháng 12 năm 2018

Ký tên

Nguyễn Xuân Dũng

TS. Nguyễn Xuân Dũng



TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TS. Trần Văn Trung

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Võ Thị Diễm Hương

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 02/01/1985

4. **Nơi sinh:** Mé Pu, Đức Linh, Bình Thuận

5. **Nguyên quán:** Hải Lăng, Quảng Trị

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hệ thống Thông tin

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Kỹ thuật Công nghệ

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ.....

Năm đạt học vị: 2017.....

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Kỹ thuật Công nghệ, Trường ĐH Thủ Dầu Một, Số 6, Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương.	69/2B – Đường XTS25A - Ấp 1 – Xã Xuân Thới Sơn – Hóc Môn – TP.HCM
2	Điện thoại/ fax		0938481785
3	Email		huongvtd@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh			X			X			X		X	
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 8/2008 đến 12/2009	Trường THPT Trí Đức – Q. Tân Phú – TP.HCM	Giáo viên
Từ 01/2010 đến nay	Khoa Kỹ Thuật Công Nghệ - Trường ĐH. Thủ Dầu Một – TP. Thủ Dầu Một – Bình Dương	Giảng viên
.....		

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	9/2004 – 5/2008	ĐH. Sư Phạm – TP.HCM	Sư phạm Tin	
Thạc sĩ	12/2014 – 8/1017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông TP.HCM	Hệ thống Thông tin	Xây dựng hệ thống hỏi đáp tiếng Việt về đặc sản ẩm thực Việt Nam bằng Cloud Computing.
Tiến sĩ				
Tiến sĩ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ	04/01 – 16/01/2010	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM	Lý luận giảng dạy đại học
VB2	02/2010 – 12/2012	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính ngân hàng
Chứng chỉ	29/01 – 09/07/2018	Trung tâm GDTX – Trường ĐH Thủ Dầu Một.	Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: CNTT.....

- Chuyên ngành: HTTT.....

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên

2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án

						(chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

--	--	--	--	--	--	--

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyên giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày tháng năm 2019

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
TR. KHOA HỌC



TS. Trần Văn Trung

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Huy

Võ Thị Diễm Hương

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Trần Bá Minh Sơn.

2. **Giới tính:** Nam.

3. **Ngày sinh:** 17/11/1982.

4. **Nơi sinh:** Bà Rịa Vũng Tàu.

5. **Nguyên quán:** Bà Rịa Vũng Tàu.

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Hệ thống thông tin.

Khoa: CNTT- ĐĐT.

7. **Học vị cao nhất:** Thạc Sĩ

Năm đạt học vị: 2009.

10. **Chức vụ:** Giảng viên.

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa KTCN trường ĐH TDM 6 Trần Văn Ôn, TDM, Bình Dương.	2/31 Bạch Đằng, Phường 2, Tân Bình, HCM.
2	Điện thoại/ fax		
3	Email		

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		X			X			X			X	
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2009 đến nay	Khoa CNTT- ĐĐT, Đại Học TDM, Bình Dương	Giảng Viên
Từ 2004 đến 2008	Trung Tâm Đào Tạo CNTT- TPHCM	Chuyên Viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2000-2004	Đại Học Tin Học Ngoại Ngữ TPHCM	Công Nghệ Thông Tin	Siêu Máy Tính
Thạc sỹ	2006-2009	Đại Học Công Nghệ Thông Tin- TPHCM	Khoa Học Máy Tính	Nghiên cứu giải pháp và hiện thực giải thuật nhận diện biển báo giao thông.

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Mạng máy tính

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Khai thác dữ liệu dựa vào GIS

2. Big Data.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
DANH P. KHOA HỌC



Bình Dương, ngày 10 tháng 6 năm 2019.

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Trần Bá Minh Sơn.



LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** HOÀNG MẠNH HÀ
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 30/12/1971
4. **Nơi sinh:** Hà nội
5. **Nguyên quán:** Ân Phú, Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà nội (Hà tây cũ)
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Kỹ Thuật Phần Mềm
Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Kỹ Thuật – Công Nghệ

7. **Học vị cao nhất:** Tiến sỹ Năm đạt học vị: 2012

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....
Giáo sư Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Đại học Thủ Dầu Một 6 Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	9 D6, KDC Phú Hòa 1, Phú Hòa, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	(0274) 382 2518	0989127583
3	Email		hahm@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		x			x			x			x	
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ /4/1998 đến 11/2012	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thiết bị Y tế 89 Phương Mai, Đống Đa, Hà nội	Giảng viên Phó Khoa Trưởng Khoa
Từ 11/2012 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên Phó Khoa Giảng viên
.....		
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	1992 – 1997	Đại học Bách Khoa, Hà nội	Điện tử - Tin học	Tìm Hiểu Mạng Cục Bộ và Thiết Kế Chương Trình Bảo Mật Thông Tin
Thạc sỹ	2000 - 2002	Đại học Bách Khoa, Hà nội	Xử lý Thông tin và Truyền thông	Thiết kế Bộ lọc Thích nghi cho tín hiệu điện tim
Tiến sỹ	2005 – 2012	Viện Công Nghệ Thông Tin, Viện Hàn Lâm Khoa	Đảm bảo Toán học cho Máy tính và Hệ thống Tính	Các Phương Pháp Thích Nghi trong Lọc Nhiều Tín Hiệu Điện Tim

		Học và toán Công Nghệ Việt Nam	
Tiến sỹ Khoa học			

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Xử lý ảnh/ tín hiệu/ thông tin
- Chuyên ngành: Tin học

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Nhận dạng
2. Phân tích dữ liệu

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quân lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1	Hồ Ngọc Giàu	Ứng dụng biến đổi wavelet và bộ phân lớp SVM cho vấn đề nhận dạng sóng động kinh trên điện não đồ	2019	Thạc sỹ	Hướng dẫn chính	Bài báo Thực nghiệm
2	Trần Đức Hoàn	Ứng dụng Mô hình Hồi quy Tuyến tính Đa mức Đánh giá Điểm Rèn luyện Sinh viên Đại học Thủ Dầu Một	2019	Thạc sỹ	Hướng dẫn chính	
3	Trịnh Văn Dũng	Áp dụng độ đo entropy cho bài toán tách đặc trưng của bọt khí trên video và đề xuất kết hợp SVM cho vấn đề tự động theo dõi sục khí tại trạm quan trắc môi trường	2019	Thạc sỹ	Hướng dẫn chính	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Hoàng Mạnh Hà, Phần mềm nhúng trong lọc nhiễu điện tim, <i>Tạp chí Khoa học Công nghệ</i> , Tập 43, số 3, 2005	0866-708x		
2	Hoàng Mạnh Hà và Phạm Trần Nhu, Một đề xuất thay đổi kích thước bước thích nghi của thuật toán LMS cho bài toán lọc nhiễu trong thu nhận tín hiệu y sinh, <i>Tạp chí bưu chính viễn thông và Công nghệ Thông tin (Số 19 chuyên san)</i> , trang 38-46, 2008			
3	Hoang Manh Ha & Pham Tran Nhu, An adaptive Notch Filter using LMS algorithm with variable step-sizes for EEG, <i>Journal of Computer Science and Cybernetics</i> , Vol 25, No. 2, 2009	1813-9663		
4	Hoàng Mạnh Hà và Phạm Trần Nhu, Xác định điều kiện để bảo toàn thông tin trong làm trơn phổ tín hiệu	1813-9663		

điện tim nhiễu nhiều, <i>Tạp chí Tin học và Điều khiển học</i> , Volume 28, Number 2, 2012			
--	--	--	--

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Hoang Manh Ha, Variable Step size LMS Filter for ECG signals, The second International Conference on the development of BioMedical Engineering in Vietnam, 2007			
2	Hoang Manh Ha, Adaptive Noise Cancellation Implementaion with a Variable Step-Size LMS Algorithm, The Japan-Vietnam WorkShop on SoftWare Engineering, 2007			
3	Hoang Manh Ha & Pham Tran Nhu, Adjustment in central frequency of Adaptive Notch Filter base on Wavelet Transform in frequency Domain, the Second International Conference on Communications and Electronics (HUTICCE), 2008			
4	Hoang Manh Ha & Thai Thanh Nga, Extract an irregular structure of an echinocytes using Morphological operations, The third International Conference on BioMedical Engineering in Vietnam, Vietnam National University, 2010			
5	Hoang Manh Ha, Notes on recognizing echinocyte by the top-hat transform, 5th International Conference on Context-Aware Systems and Applications, Thu Dau Mot, Vietnam, November 24-25, 2016			
6	Hoang Manh Ha et al, Extract Features using Gaussian Filter and its Application for Improvement of an Accuracy of the Epileptic Detection using SVM, International Conference on Data Science in Business, Finance and Industry, 2019			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Hoang Manh Ha, Thiết kế bộ lọc thích nghi với cấu trúc động cho xử lý tín hiệu điện tâm đồ, Hội nghị			

	Khoa học lần thứ 20, Đại học Bách khoa Hà nội, 2006			
2	Hoang Manh Ha & Pham Tran Nhu, Về các điều kiện hội tụ của thuật toán LMS trong mô hình lọc nhiễu thích nghi, Hội Thảo Quốc Gia Một Số Vấn Đề của Công nghệ Thông Tin và Truyền Thông lần thứ 18, 2015			
	Hoàng Mạnh Hà et al, Copulas Gauss cho Bài Toán Xác Định Độ Tương Quan và Ứng Dụng Đối Sánh Vector Đặc Trưng, Hội nghị Quốc gia lần thứ 22 về Điện tử, Truyền thông và CNTT, Hà nội, 2019			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2019

Người khai
 (Họ tên và chữ ký)



Hoàng Mạnh Hà

Ngày 20 tháng 03 năm 2020

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH⁶

Tên ngành: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu

Mã số: 7480205

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	Sự cần thiết phải mở ngành 1.1 Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia vì là Tỉnh cung cấp nguồn nhân lực kinh tế trọng điểm phía Nam	
	1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV	
	1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Phù hợp với kế hoạch phát triển của Trường là đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực.	
	1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo		
2	Đội ngũ giảng viên 2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo.	1.1 Tỷ lệ 100% giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo.	

⁶ Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

	<p>2.2. Giảng viên cơ hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành: <p>2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo</p> <p>2.4. Giảng viên thỉnh giảng</p> <p>2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).</p>	<p>2.2 Giảng viên cơ hữu:10</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiến sỹ gần ngành:2 - Số thạc sỹ cùng ngành:8 -NCS gần ngành: 2 <p>2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo: 10 (Giảng viên cộng tác: 02)</p> <p>2.4. Giảng viên thỉnh giảng: 0</p>	
3	<p>Cơ sở vật chất</p> <p>3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm</p> <p>3.2. Thư viện, thư viện điện tử</p> <p>3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo</p>	<p>3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm: Đủ dụng cụ, cơ sở vật chất thuận lợi cho cả sinh viên 2 khối ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu.</p> <p>3.2. Thư viện, thư viện điện tử: Phong phú và nhiều nguồn truy cập thư viện điện tử.</p> <p>3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo: Thường xuyên đăng tải thông tin hữu ích về ngành</p> <p>https://tdmu.edu.vn/</p> <p>https://et.tdmu.edu.vn/</p>	
4	<p>Chương trình đào tạo</p> <p>4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo</p> <p>4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo</p> <p>4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo</p>	<p>4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo: Tổng quan về mục tiêu đào tạo và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Chương trình cân đối 8 học kỳ. Xây dựng Chương trình theo chuẩn kiểm định của Bộ giáo dục và đào tạo. Xây dựng chương trình theo vị trí việc làm phù hợp yêu cầu xã hội.</p> <p>4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Thực hiện đúng theo</p>	

		<p>quyết định.</p> <p>4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo: Đào tạo hệ cử nhân 4 năm, 8 học kỳ và 2 giai đoạn, đào tạo theo hệ tín chỉ. Sinh viên có điều kiện học 2 văn bằng hoặc có thể chuyển đổi ngành phù hợp khả năng, năng lực sinh viên.</p>	
5	<p>Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng</p> <p>5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định</p> <p>5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định</p> <p>5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)</p>	<p>5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: Có đầy đủ</p> <p>5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định: Biên bản góp ý và thống nhất đủ điều kiện mở ngành của hội đồng thẩm định.</p>	

Bình Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS Ngô Hồng Điệp

KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng năm 2020

PHIẾU THU THẬP

Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ SỰ CẦN THIẾT ĐÀO TẠO NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHOA HỌC DỮ LIỆU TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông,
Sở Thông tin và Truyền thông Bình Dương

1. Lý do mở ngành đào tạo

Cuộc CMCN 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, xã hội của đất nước ta, dẫn đến việc thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Quyết định số 999/QĐ-TTg về Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hơn nữa, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025: “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0” (mã số: KC-4.0/19-25). Mục tiêu của Chương trình: (1) Nghiên cứu ứng dụng, phát triển và chuyển giao một số công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 mà Việt Nam có lợi thế để tạo ra các sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; (2) Hỗ trợ thí điểm đổi mới một số mô hình quản trị, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực chủ chốt theo hướng chuyển đổi số.

Tại hội thảo Trí tuệ nhân tạo Việt Nam 2018 (với sự quy tụ hơn 100 chuyên gia công nghệ là các nhà khoa học, chuyên gia giàu kinh nghiệm về AI từ các ngành, từ các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Canada, Australia, Pháp, Ba Lan...) cũng đã phân tích ngành AI đang đòi hỏi nguồn nhân lực rất cao. Theo một kết quả nghiên cứu, tại Mỹ, top 6 công việc mà mọi người mong muốn tìm kiếm đều thuộc lĩnh vực AI. Hiện nay, nhu cầu nhân lực cho AI cần 1 triệu người,



nhưng chỉ có khoảng 10 nghìn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu. Đây là một cơ hội rất lớn cho Việt Nam.

Xuất phát phân tích những nhu cầu trên, cùng với những thế mạnh của Trường, trường Đại học Thủ Dầu Một nhận thấy việc mở ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu tại trường là phù hợp với quy hoạch nhân lực của vùng Đông Nam Bộ và của Quốc gia.

2. Ý kiến doanh nghiệp

Thầy nhất vô nhị cần thiết đào tạo nhân lực
theo ngành Trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phát triển
đô thị thông minh theo đúng xu thế của thời đại. Bên cạnh
đó, các ngành khác cũng rất cần thiết và tổng hợp
hỗ trợ cho ngành Trí tuệ nhân tạo như: Dữ liệu lớn,
Phân tích dữ liệu, Học sâu

Cam kết tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đồng ý

Không đồng ý



XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

Ngày tháng năm 2020

PHIẾU THU THẬP

Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ SỰ CẦN THIẾT ĐÀO TẠO NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHOA HỌC DỮ LIỆU TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin, VNPT Bình Dương

1. Lý do mở ngành đào tạo

Cuộc CMCN 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, xã hội của đất nước ta, dẫn đến việc thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Quyết định số 999/QĐ-TTg về Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hơn nữa, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025: “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0” (mã số: KC-4.0/19-25). Mục tiêu của Chương trình: (1) Nghiên cứu ứng dụng, phát triển và chuyển giao một số công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 mà Việt Nam có lợi thế để tạo ra các sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; (2) Hỗ trợ thí điểm đổi mới một số mô hình quản trị, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực chủ chốt theo hướng chuyển đổi số.

Tại hội thảo Trí tuệ nhân tạo Việt Nam 2018 (với sự quy tụ hơn 100 chuyên gia công nghệ là các nhà khoa học, chuyên gia giàu kinh nghiệm về AI từ các ngành, từ các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Canada, Australia, Pháp, Ba Lan...) cũng đã phân tích ngành AI đang đòi hỏi nguồn nhân lực rất cao. Theo một kết quả nghiên cứu, tại Mỹ, top 6 công việc mà mọi người mong muốn tìm kiếm đều thuộc lĩnh vực AI. Hiện nay, nhu cầu nhân lực cho AI cần 1 triệu người, nhưng chỉ có khoảng 10 nghìn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu. Đây là một cơ hội rất lớn cho Việt Nam.

Xuất phát phân tích những nhu cầu trên, cùng với những thế mạnh của Trường, trường Đại học Thủ Dầu Một nhận thấy việc mở ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu tại trường là phù hợp với quy hoạch nhân lực của vùng Đông Nam Bộ và của Quốc gia.

2. Ý kiến doanh nghiệp

Trong thời đại CNTT 4.0, đòi hỏi rất cao nhân lực ĐH
với số lượng lớn có chuyên môn về Trí tuệ nhân tạo
và khoa học dữ liệu để phát triển các sản phẩm
và IoT và phân tích dữ liệu lớn

Cam kết tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đồng ý

Không đồng ý

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH CƯỜNG

Số: 586/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo
và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)
TS. NGÔ HỒNG DIỆP

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHỦ TRÌ SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-ĐHTDM ngày 5 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chương trình đào tạo
1	ThS. Trần Văn Tài	Phó GD chương trình	Trưởng nhóm	Công nghệ thông tin
2	TS. Nguyễn Xuân Dũng	Giảng viên	Thành Viên	
3	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Giảng viên	Thành Viên	
4	ThS. Đỗ Đắc Thiêm	Phó GD chương trình	Trưởng nhóm	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
5	TS. Đoàn Xuân Toàn	Giảng viên	Thành Viên	
6	TS. Giang Minh Đức	Giảng viên	Thành Viên	
7	TS. Hoàng Mạnh Hà	Phó GD chương trình	Trưởng nhóm	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu
8	Mời TS. Nguyễn Hà Huy Cường	GV Đại học Đà Nẵng	Thành Viên	
9	ThS. Dương Thị Kim Chi	Giảng viên	Thành Viên	

Số:588/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện
đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học
Ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu - Mã ngành: 7480205**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một được ban hành kèm theo quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/07/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ quyết định số 310/QĐ-ĐHTDM ngày 23/03/2018 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về phân công nhiệm vụ trong Lãnh đạo trường;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành công nghệ kỹ thuật ô tô theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)
TS. NGÔ HỒNG ĐIỆP

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHOA HỌC DỮ LIỆU - MÃ NGÀNH: 7480205**
*(Kèm theo Quyết định số 588/QĐ-ĐHTDM ngày 5 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ trong HĐ	Đơn vị công tác
1	PGS.TS. Lê Tuấn Anh	Chủ tịch	Trường Đại học Thủ Dầu Một
2	PGS.TS. Võ Thị Lưu Phương	Phản biện 1	Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TPHCM
3	TS. Huỳnh Trọng Thưa	Phản biện 2	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, cơ sở TPHCM
4	ThS. Huỳnh Anh Tuấn	Ủy viên	Trung tâm công nghệ công tin và truyền thông, Sở thông tin truyền thông Bình Dương
5	ThS. Nguyễn Tấn Lộc	Thư ký	Trường Đại học Thủ Dầu Một

Tổng danh sách: 05 thành viên

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHOA HỌC
DỮ LIỆU
MÃ NGÀNH 7480205**

Hôm nay, vào lúc... ngày....tháng.....năm 2020, tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, Hội đồng thẩm định định Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu - Mã ngành 7480205 của Trường Đại học Thủ Dầu Một đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

1. PGS.TS. Lê Tuấn Anh - Chủ tịch hội đồng
2. PGS.TS. Võ Thị Lưu Phương - Phản biện 1
3. TS. Huỳnh Trọng Thưa - Phản biện 2
4. ThS. Huỳnh Anh Tuấn - Ủy viên
5. ThS. Nguyễn Tấn Lộc - Thư ký

II. Nội dung

1. Đại diện nhóm biên soạn báo cáo về quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu - Mã ngành 7480205

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

- Các phản biện đọc nhận xét
- Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi

3. Nhóm biên soạn trả lời các câu hỏi đã được nêu

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

5. Trường ban kiểm phiếu công bố kết quả

- Số phiếu đánh giá phát ra: 05 Thu về: 05
- Phiếu hợp lệ: 05 Phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu đánh giá đạt yêu cầu: 05, Không đạt yêu cầu: 0

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

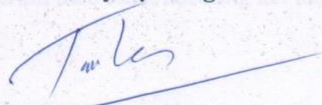
Sau khi thảo luận, hội đồng kết luận như sau

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên	Kết luận (đạt hay không đạt)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Phù hợp với nhu cầu nhân lực địa phương và khu vực phía đang thực sự rất cần và thiếu.	Đạt
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Cụ thể, rõ ràng từng tiêu chí, đảm bảo được chuẩn đầu ra của chương trình và vị trí việc làm cho người học như mong đợi.	Đạt
3	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ): - Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; - Thời lượng của từng học phần;	- Các học phần được sắp xếp đúng trình tự chuyên môn từ cơ bản đến nâng cao, từ chuyên môn ngành và liên ngành song song bổ trợ nhau để đạt chuẩn đầu ra như mong đợi. - Thời lượng từng học phần đúng theo quy định và phù hợp với nội dung bên trong.	Đạt
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	Thời lượng của chương trình đào tạo: 4,5 năm phù hợp với kết cấu chương trình và bảo đảm đạt đúng mục tiêu đào tạo.	Đạt
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và tỉnh Bình Dương)	- Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra mong đợi. - Có các học phần liên ngành đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của khu vực Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng.	Đạt

Góp ý khác: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

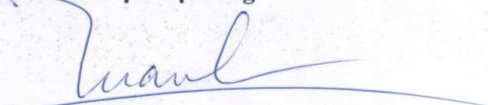
100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình
Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng ... năm 2020

Thư ký hội đồng



ThS. Nguyễn Tấn Lộc

Chủ tịch hội đồng



PGS.TS. Lê Tuấn Anh